

Số: **611** /GD-TCHC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

**ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.
2. Mã chứng khoán: GDW
3. Địa chỉ trụ sở chính: 2Bis Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, TP. HCM.
4. Điện thoại : 19001024 Fax: (028) 38418524.
5. Người thực hiện công bố thông tin:
 - Họ và tên: Ông Nguyễn Ngọc Hùng - Giám đốc Công ty
 - Địa chỉ: 41F/62 Đường Trục, Phường Bình Lợi Trung, TP. HCM.
 - Điện thoại:
 - + Di động: 0983087188; Cơ quan: 19001024 Fax: (028)38418524
6. Loại thông tin công bố:
☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☒ Bất thường ☐ Định kỳ

7. Nội dung công bố thông tin:

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 quy định **công bố thông tin Thư mời và tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.**

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty : <https://giadinh.sawaco.com.vn/> (vào mục Tin cổ đông).

8. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Đính kèm:

- Thư mời số 138/TM-GĐ ngày 31/3/2026 và tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: NQTCT.

Người đại diện pháp luật
Giám đốc

Nguyễn Ngọc Hùng

Số: 138/TM-GĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

THƯ MỜI

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

Địa chỉ trụ sở chính: 2 Bis Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Tp.HCM.

Mã số DN: 0304806225

Đăng ký thay đổi lần thứ 7: 12/8/2025

Website: <https://giadinh.sawaco.com.vn/> ĐT: 19001024

Fax: (028) 3841.8524

Trân trọng thông báo và kính mời quý cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 (tài khóa 2025) của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định:

1. Thời gian: 14 giờ 00 ngày 22/4/2026

2. Địa điểm: Hội trường lầu 5 - Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định
2Bis Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nội dung chính của Đại hội:

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 (bao gồm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025) và trình chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh tài chính năm 2026.
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 của Công ty.
3. Báo cáo về tình hình thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027.
4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
5. Trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.
6. Trình thù lao năm 2026 đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách và Người quản trị Công ty.
7. Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán cho Báo cáo tài chính 06 tháng và năm 2026 của Công ty.
8. Trình về đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2025 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch tạm tính năm 2026.
9. Trình thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và cập nhật ngành, nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và cập nhật Điều lệ Công ty (nếu có).



10. Trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 (nếu có).
11. Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Đăng ký tham dự:

Để thuận lợi trong công tác sắp xếp, tổ chức và đón tiếp chu đáo, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự Đại hội qua điện thoại, email, hoặc fax giấy xác nhận tham dự/giấy ủy quyền dự họp đến văn phòng Công ty trước 16 giờ 00 phút ngày **17/4/2026**.

Trường hợp cổ đông không thể đến tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác hoặc một trong các thành viên Hội đồng quản trị do Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định đề xuất (theo mẫu Giấy ủy quyền và Danh sách thành viên Hội đồng quản trị đính kèm).

Điện thoại: 1900 1024 - 8321 (số nội bộ P.TCHC) - Số fax: (028) 3841.8524

Email: giadinh@sawaco.com.vn

Địa chỉ: Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định (Phòng Tổ chức Hành chính)

- 2Bis Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Ghi chú:**

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được chốt ngày 23/3/2026.

- Thư mời này thay thế cho thư mời cá nhân trong trường hợp cổ đông không nhận được thư mời qua đường bưu điện.

- Tài liệu họp, mẫu giấy ủy quyền, giấy xác nhận tham dự và thông tin liên quan được đăng tải tại website <https://giadinh.sawaco.com.vn/tu> ngày **31/3/2026** (mục Tin tức Thông tin cổ đông). Hoặc Quý cổ đông vui lòng quét mã QR để truy cập và tải tài liệu đại hội cổ đông thường niên năm 2026. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 sẽ được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung (nếu có) trước ngày 17/4/2026.

- Nhằm nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức đại hội đồng cổ đông, kính đề nghị Quý cổ đông chủ động truy cập và tải tài liệu thông qua việc quét mã QR đính kèm.

- Quý cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền vui lòng mang theo bản chính Thư mời họp (có mã cổ đông), Giấy CCCD/HC/VNeID/GĐKKD (bản chính) và bản chính Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền) khi tham dự Đại hội.

Trân trọng./.

Quét mã QR để xem và in tài liệu
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Thế Bảo

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH
P. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH

M.S.D.N. 030480622



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Tài khóa 2025)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

STT	Thời gian	Nội dung
1	14h00-15h00	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu.
2		Giới thiệu Ban Thẩm tra tư cách cổ đông và báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông.
3		Bầu Đoàn Chủ tịch, Thư Ký đoàn và Ban Kiểm phiếu.
4		Thông qua Quy chế làm việc và Thê lệ biểu quyết tại Đại hội.
5		Thông qua Chương trình Đại hội.
6	15h00-15h45	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 (bao gồm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025) và trình chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh tài chính năm 2026.
7		Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 của Công ty.
8		Báo cáo về tình hình thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027.
9		Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026.
10		Báo cáo kiểm toán độc lập
11	15h45-16h10	Trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.
12		Trình thù lao năm 2026 đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách và Người quản trị Công ty.
13		Trình lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán cho Báo cáo tài chính 06 tháng và năm 2026 của Công ty.
14		Trình về đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2025 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch tạm tính năm 2026.

STT	Thời gian	Nội dung
15		Trình thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và cập nhật ngành, nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và cập nhật Điều lệ Công ty (nếu có).
16		Trình miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2022-2027 (nếu có).
17		Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên (nếu có).
18		Thảo luận, biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội.
19	16h10-16h20	Nghỉ giải lao.
20	16h20-16h30	Công bố kết quả biểu quyết các nội dung tại Đại hội.
21	16h30-16h40	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
22	16h40-16h45	Bế mạc Đại hội.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

Họ và tên cổ đông:Mã tham dự:.....

Số CCCD/Hộ chiếu/GCNDKKD:

Ngày cấp:Nơi cấp:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

Số cổ phần sở hữu:.....

Tôi/ Chúng tôi đã nhận được Thông báo mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định và đồng ý xác nhận tham dự Đại hội vào ngày 22/4/2026.

....., ngày tháng năm 2026

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 - CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Mã vạch

A. Thông tin cổ đông:

- Mã số cổ đông : ...
- Họ và tên : ...

- Số cổ phần sở hữu : ...
- Số cổ phần đại diện : ...
- Tổng số phiếu biểu quyết : ...

B. Nội dung biểu quyết

C. Ý kiến biểu quyết

Đồng ý

Không
đồng ý

Ý kiến khác

1. ...

(trùng hoặc 65% đồng ý để thông qua)

2. ...

3. ...

Ghi chú:

- Quý cổ đông nên lựa chọn một trong hai ý kiến “ĐỒNG Ý” hay “KHÔNG ĐỒNG Ý”:
a) Nếu đồng ý với chỉ tiêu biểu quyết nào thì đánh dấu “X” vào ô “ĐỒNG Ý” của chỉ tiêu đó;
b) Nếu không đồng ý với chỉ tiêu biểu quyết nào thì đánh dấu “X” vào ô “KHÔNG ĐỒNG Ý” chỉ tiêu đó.
- Nếu có “Ý KIẾN KHÁC” thì ghi rõ nội dung để Ban tổ chức tổng hợp.

Số: 487 /BC-GĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
VÀ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2026**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

A. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

I. Tình hình chung:

Tổng kết năm 2025, sản lượng nước tiêu thụ của khách hàng và doanh thu tiền nước của Công ty giảm nhẹ so với năm 2024 do địa bàn quản lý không còn khả năng mở rộng và sự phát triển nền kinh tế chuyển đổi số 4.0. Bên cạnh đó, Công ty vẫn phải tiếp tục đối mặt với những thách thức dài hạn của ngành nước như: tác động của biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn, an ninh nguồn nước, an ninh mạng, chi phí đầu vào tăng trong điều kiện giá bán từ năm 2024 chưa được tăng theo lộ trình gây sức ép đáng kể đến công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước. Các công trình hạ tầng kỹ thuật xử lý giao cắt, di dời, cải tạo và phát triển các tuyến ống cấp nước trong khu dân cư lâu đời - địa bàn quản lý của Công ty - ngày càng thu hẹp, dẫn đến khó khăn trong công tác thỏa thuận hướng tuyến, xin phép đào đường, triển khai thi công phục vụ cho công tác phát triển và cải tạo nâng cấp, duy tu mạng lưới cấp nước.

Với sự nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành cùng tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định vẫn đảm bảo các nhiệm vụ trọng tâm như: cấp nước an toàn liên tục, duy trì bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, tỷ lệ nước thất thoát thất thu ở mức 9,78%. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh - đầu tư xây dựng- tài chính năm 2025 như sau:

II. Kết quả hoạt động năm 2025: (phụ lục đính kèm)

1. Sản xuất - kinh doanh:

- Sản lượng nước mua sỉ với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV được đo đếm qua 32 đồng hồ tổng đạt 61,160 triệu m³, chiếm 97,99 % kế hoạch, giảm 1,02% (tương đương 0,626 triệu m³) so với năm 2024.
- Sản lượng nước (chuẩn 1) đạt 55,122 triệu m³, đạt 98,78% kế hoạch, đạt 99,60% tương ứng giảm 0,219 triệu m³ so với cùng kỳ năm 2024.
- Gắn mới và tái lập 461 đồng hồ nước, đạt 92,20% kế hoạch, nâng tổng số đồng hồ nước trên toàn mạng lên 139.045 đầu nối, tiếp tục duy trì bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch.

- Công tác thay đồng hồ nước khách hàng đảm bảo ghi nhận đúng chỉ số tiêu thụ: đã thay được 32.560 đồng hồ nước cỡ nhỏ và 58 đồng hồ nước cỡ lớn, đạt lần lượt 95,59% và 58,00% so với kế hoạch.
- Tỷ lệ nước thất thoát thất thu ở mức 9,78%, thấp hơn 0,82% so với kế hoạch năm 2025 và thấp hơn 0,48% so với cùng kỳ năm 2024.
- Đến cuối năm 2025, địa bàn quản lý của Công ty có 16.336 đồng hồ nước khách hàng có tiêu thụ thấp từ 0m³ đến 4m³, chiếm tỷ trọng 11,75% trên tổng số đồng hồ khách hàng, tăng 2,11% (tương đương 2.946 đồng hồ) so với năm 2024.

2. Đầu tư xây dựng, giảm nước thất thoát thất thu và mua sắm vật tư, trang bị máy móc, thiết bị, đào tạo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Đối với công trình phát triển mạng lưới cấp nước: đã thi công hoàn tất công trình thuộc giai đoạn chuyển tiếp, có tổng chiều dài thiết kế 618m ống cái, giá trị khối lượng 2,758 tỷ đồng, giải ngân 2,360 tỷ đồng, đạt 142,60% so với kế hoạch năm 2025.
- Đối với công tác đầu tư thay mới ống mực: đã hoàn tất giải ngân 07 trên tổng số 07 công trình thuộc giai đoạn chuyển tiếp và hoàn tất thi công, nghiệm thu đưa vào sử dụng 09 trên tổng 14 công trình đăng ký khối lượng thực hiện giai đoạn thực hiện đầu tư, với tổng khối lượng thay mới 13.122m ống cũ mực, giá trị khối lượng 54,742 tỷ đồng, giải ngân được 31,597 tỷ đồng, đạt 97,43% về giải ngân so với kế hoạch năm 2025.
- Đối với công tác chống thất thoát nước luôn được quan tâm và ghi nhận được kết quả như sau:
 - Thất thoát nước hữu hình: hoàn tất quyết toán 06 trên tổng số 06 công trình thuộc giai đoạn chuyển tiếp và hoàn tất thi công 09 trên tổng số 23 công trình thuộc giai đoạn thực hiện đầu tư 2025 với tổng số lượng thay mới 13.900m ống, giá trị xây lắp 40,533 tỷ đồng, giải ngân 22,349 tỷ đồng, đạt 96,24% kế hoạch giải ngân đã phê duyệt. 14 công trình còn lại đang trong quá trình lập báo cáo khảo sát, báo cáo kinh tế kỹ thuật, nhà thầu thi công, sẽ tiếp tục triển khai trong quý I/2026.
 - Thất thoát nước vô hình: lắp đặt mới 02 hầm đồng hồ tổng để phân vùng tách mạng BT2701 và BQ2728 hiện hữu thành BQ2701, BQ 2702, BQ2703 và BQ2728.1 nâng tổng DMA đã thiết lập là 91 DMA, nâng cấp và thay thế 03 van điều áp và 05 van điều áp cho các DMA, nâng tổng số van điều áp trên toàn địa bàn là 33 van, lắp đặt thử nghiệm 02 van điều khiển đóng mở từ xa tại DMA.BT2802 và BT2728.01; cập nhật được 927 địa chỉ gắn mới, nâng đời đồng hồ nước và 28 bản vẽ hoàn công công trình cũng như các dữ liệu điểm bề trong địa bàn quản lý; đo đạc tọa độ 500 trên tổng số 500 van và chính xác hóa vị trí 90 trên tổng số 90 hầm kỹ thuật trên mạng lưới lên cơ sở dữ liệu GIS. Bên cạnh đó, lắp đặt thêm 01 trạm quan trắc (tại 2Bis Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh) nâng tổng số trạm quan trắc là 03 trạm nhằm chủ động, thường xuyên theo dõi chất lượng nước trên địa bàn quản lý; chủ động dò tìm và sửa chữa 6.028 điểm bề gồm 4.532 điểm bề nổi, 1.496 điểm bề ngầm, coi 577 van tạo điều kiện đóng mở điều tiết mạng lưới, khắc phục kịp thời, nhanh chóng tình trạng bề đường ống, di dời 93 đồng hồ khách hàng đến vị trí thuận lợi cho việc đọc chỉ số nước hàng tháng, theo dõi và điều tiết việc cung cấp nước cho khách hàng qua 661.875 mét ống mạng lưới và 139.045 đầu

nổi để đảm bảo khắc phục triệt để các sự cố cấp nước, thay thế 32.618 đồng hồ nước đến hạn, đo đếm không chính xác. Do đó, tỷ lệ thất thoát nước lũy kế bình quân ở mức 9,78%, thấp hơn 0,82% so với kế hoạch và thấp hơn 0,48% so với cùng kỳ năm 2024.

- Đối với công tác mua sắm vật tư và đồng hồ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: đã tổ chức mua sắm với giá trị khối lượng đạt 48,419 tỷ đồng, giải ngân 38,942 tỷ đồng, đạt lần lượt 96,84% và 97,36% kế hoạch năm. Bên cạnh đó, Công ty đầu tư trang trí máy móc thiết bị văn phòng và tổ chức các khóa huấn luyện, đào tạo nghiệp vụ cho người lao động với giá trị đầu tư 2,512 tỷ đồng, đã giải ngân 2,512 tỷ đồng đạt 121,00% kế hoạch.

- Đối với công tác mua sắm trang bị máy móc, thiết bị và phần mềm công nghệ thông tin để góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và chất lượng phục vụ khách hàng với tổng vốn đầu tư 42,480 tỷ đồng, giải ngân 37,232 tỷ đồng đạt lần lượt 102,98% và 112,96% so với kế hoạch được duyệt.

3. Tài chính

- Tổng doanh thu ghi nhận ở mức 676,176 tỷ đồng; đạt 98,78% kế hoạch năm, giảm 1,09% (tương đương 7,478 tỷ đồng), trong đó doanh thu tiền nước (theo chuẩn 1) chiếm 668,118 tỷ đồng, giảm 0,09% (tương đương 0,592 tỷ đồng) so với năm 2024. Giá bán bình quân đạt 12.121 đồng/m³, thấp hơn 16 đồng/m³ so với kế hoạch (12.137 đồng/m³) và tăng 38 đồng/m³ so với năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế 50,687 tỷ đồng, đạt 100,29% kế hoạch, tăng 1,08% (tương đương 0,541 tỷ đồng) so với năm 2024. Nộp các khoản thuế phí và thu hộ phí dịch vụ thoát nước 260,422 tỷ đồng, đạt 103,30% kế hoạch năm, tăng 15,54% (tương đương 35,023 tỷ đồng) so với năm 2024.

III. Đánh giá kết quả thực hiện:

1. Những mặt làm được:

- Tỷ lệ nước thất thoát thất thu đạt 9,78% thấp hơn 0,82% so với kế hoạch và thấp hơn 0,48% so với cùng kỳ năm 2024 cho thấy các giải pháp giảm nước thất thoát thất thu hiện tại đạt được mục tiêu và kế hoạch đề ra;

- Quản lý, vận hành ổn định mạng lưới phân phối, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục, tiếp tục duy trì bền vững 100% hộ dân được sử dụng nước sạch trên địa bàn quản lý, hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng theo kế hoạch năm;

- Đảm bảo an toàn thông tin mạng và dữ liệu khách hàng, hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo an toàn dòng tiền thu, bảo toàn phát triển vốn, làm tròn nghĩa vụ với nhà nước và cổ đông.

2. Một số tồn tại hạn chế:

- Sản lượng nước tiêu thụ giảm nhẹ so với năm 2024, khuynh hướng sử dụng nước tiết kiệm hơn ở các hộ gia đình và tình trạng chuyển đổi hình thức kinh doanh, sản xuất từ trực tiếp sang trực tuyến; nhiều mặt bằng kinh doanh và các trụ sở đóng cửa, ngừng sử dụng nước ảnh hưởng đến việc gia tăng doanh thu nước của Công ty;

- Lộ trình điều chỉnh giá nước giai đoạn sau năm 2022 chậm làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty trong khi nhiệm vụ phải tiếp tục đầu tư để nâng cấp hệ thống cấp nước đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn;

- Khó khăn trong công tác xin cấp phép đào đường và thỏa thuận hướng tuyến phải có ý kiến đồng thuận của nhiều cơ quan quản lý công trình ngầm như: điện lực, viễn thông, Trung tâm quản lý hạ tầng kỹ thuật, Trung tâm quản lý hạ tầng giao thông đường bộ dẫn đến việc chậm trễ triển khai thi công các công trình cải tạo ống mục gây ảnh hưởng tiến độ hoàn thành chỉ tiêu đầu tư xây dựng, giảm thất thoát nước chung của Công ty và chất lượng phục vụ khách hàng;

- Việc đầu tư trang bị, ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành, quản lý mạng lưới, chăm sóc khách hàng theo Nghị quyết số 99-NQ/ĐU ngày 27/01/2023 của Đảng ủy Công ty CPCN Gia Định về chuyển đổi số đòi hỏi Công ty phải bố trí nguồn vốn tương đối lớn để thực hiện. Công tác số hóa hồ sơ, dữ liệu chuyên môn vẫn chưa được đồng bộ nên hiệu quả ứng dụng chưa phát huy tối đa;

- Tỷ lệ khách hàng sử dụng nước thấp dưới $4m^3$ trong năm 2025 có xu hướng tăng nhẹ 2,11% so với năm 2024, điều này gây ảnh hưởng đến tỷ lệ nước thất thoát thất thu, cho thấy nhu cầu sử dụng nước của khách hàng có xu hướng giảm dần;

- Chưa có nhiều sáng kiến mang tính ứng dụng mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

B. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH TÀI CHÍNH NĂM 2026

I. Dự báo tình hình:

Năm 2026, bên cạnh những thách thức mang tính dài hạn của ngành nước, Công ty phải đối mặt với những khó khăn thách thức như sau:

- *Một là:* Địa bàn quản lý mạng lưới đường ống cấp nước đã phủ kín, không còn khả năng mở rộng phát triển khách hàng và đã hoàn thành chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch cho thấy nhu cầu của người dân đã được đáp ứng đủ. Bên cạnh đó, sản lượng nước tiêu thụ trong năm 2026 dự kiến sẽ giảm do công tác di dời, giải phóng mặt bằng phục vụ cho các dự án trọng điểm của Thành phố.

- *Hai là:* Điều chỉnh giá nước sạch giai đoạn 2024-2028 vẫn chưa được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt trong điều kiện các chi phí đầu vào phục vụ cho việc quản lý, vận hành phát triển mạng lưới cung cấp nước sạch thay đổi tăng hàng năm;

- *Ba là:* Doanh thu tiền nước năm 2026 sẽ giảm nhẹ nguyên nhân chủ yếu là do các địa chỉ kinh doanh trả mặt bằng, các cao ốc chung cư thay đổi cơ cấu đối tượng sử dụng nước từ kinh doanh sang sinh hoạt và doanh thu tiền nước bị ảnh hưởng trực tiếp từ hoạt động sản xuất kinh doanh trực tuyến đang phát triển, làn sóng hoàn trả mặt bằng kinh doanh chuyển sang giao dịch mua sắm trực tuyến qua mạng tiếp tục là xu hướng phổ biến;

Tất cả các yếu tố trên sẽ có tác động tiêu cực đến doanh thu nước và tổng doanh thu của Công ty năm 2026. Tuy nhiên, Ban điều hành cùng tập thể người lao động Công ty cùng đồng lòng, tiếp tục phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu và giải pháp như sau:

II. Mục tiêu tổng quát:

- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, phát triển hệ thống cấp nước thông minh; nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành Công ty.

- Chủ động công tác dò và sửa chữa điểm bể kịp thời, cải tạo thay mới mạng lưới góp phần kéo giảm và tiến đến duy trì tỷ lệ nước thất thoát thất thu ở mức kinh tế.

- Ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý mạng lưới, quản lý đồng hồ khách hàng; tiếp tục thực hiện chuyển đổi số trong công tác chăm sóc khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, cải cách các thủ tục hành chính theo hướng đơn giản, chủ động, hiệu quả hướng tới mục tiêu trở thành một doanh nghiệp số.

III. Nhiệm vụ trọng tâm:

- Hiện đại hóa ngành nước, cập nhật liên tục cơ sở dữ liệu tập trung về mạng lưới hướng đến xây dựng hệ thống cấp nước thông minh;

- Tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân sự đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty;

- Đẩy mạnh công tác giảm thất thoát nước bền vững và đạt hiệu quả kinh tế;

- Thực hiện tài chính lành mạnh, tiết kiệm; đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động;

- Hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước và cổ đông, duy trì lợi nhuận, mức chia cổ tức từ 14%/năm trở lên.

IV. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2026:

Stt	Chỉ tiêu	Đ/v tính	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	% KH 2026 so với TH 2025
			(1)	(2)	(3=2÷1)
01	Sản lượng nước tiêu thụ (chuẩn 1)	Triệu m ³	55,122	55,600	100,87%
02	Tổng doanh thu, trong đó:	Tỷ	676,167	686,429	101,52%
	<i>Doanh thu nước (chuẩn 1)</i>	đồng	668,118	675,429	101,09%
03	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,687	51,000	100,62%
04	Thuế và thu hộ phí dịch vụ thoát nước, trong đó:	Tỷ đồng	260,422	264,499	101,56%
	<i>Thu hộ phí dịch vụ thoát nước</i>		195,286	197,563	101,16%
05	Mức chia cổ tức dự kiến	%	≥ 14	≥ 14	≥100,00%

V. Giải pháp thực hiện:

5.1. Giải pháp về cấp nước an toàn:

- Chủ động xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng mạng lưới, triển khai mua sắm vật tư, trang bị máy móc thiết bị nhằm đảm bảo dịch vụ cấp nước đạt chất lượng, liên tục và hiệu quả; Phối hợp với các sở ban ngành trong việc nắm bắt thông tin nhằm chủ động triển khai đồng bộ các công trình cải tạo, duy tu sửa chữa mạng lưới;
- Chủ động tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp với Xí nghiệp truyền dẫn nước sạch theo dõi sản lượng đồng hồ tổng khu vực, nhằm đánh giá, phân tích và kịp thời xử lý các tình huống bất thường như: đồng hồ không ổn định, sự tăng giảm bất thường của lưu lượng, áp lực thay đổi đột ngột, sai lệch đo đếm;
- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, trang bị đầy đủ các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác giảm nước thất thoát thất thu và quản lý mạng lưới;
- Xây dựng các giải pháp đối phó với sự cố bất thường, các giải pháp giảm các nguy cơ, rủi ro có thể xảy ra trong quá trình cung cấp nước sạch như: tăng cường triển khai diễn tập cấp nước an toàn ứng phó sự cố bể ống cấp nước nhằm đảm bảo duy trì cấp nước an toàn liên tục đến khách hàng.

5.2. Giải pháp về sản xuất kinh doanh:

- Xây dựng kế hoạch giảm thất thoát nước cho từng DMA, thường xuyên thực hiện công tác dò tìm rò rỉ đặc biệt tại 48 DMA có tỉ lệ thất thoát trên 10%, tiếp tục phân vùng tách mạng thiết lập các DMA mới và thực hiện các phương pháp kiểm soát rò rỉ chủ động;
- Vận hành có hiệu quả trung tâm vận hành mạng lưới cấp nước NOC, hệ thống bảo trì mạng lưới NMS, tập trung khai thác và cập nhật cơ sở dữ liệu GIS kết hợp với phần mềm WaterGEMS mô phỏng thủy lực nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý mạng lưới và hỗ trợ phát hiện các điểm rò rỉ chủ động trên mạng lưới cấp nước.
- Tăng cường kiểm soát tiêu thụ và truy thu chênh lệch giá, tiếp tục kiểm soát đồng hồ nước có tiêu thụ thấp dưới 4m³ không vượt quá 10% trên tổng số đồng hồ khách hàng, đảm bảo khách hàng nhận được đầy đủ thông tin về tình hình sử dụng nước để tỷ lệ thực thu đương niên đạt trên 99%.

5.3. Giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ, chăm sóc khách hàng:

- Nâng cấp trang thông tin điện tử, dịch vụ khách hàng trực tuyến lên mức độ 4 về dịch vụ công trực tuyến; Duy trì số điện thoại đường dây nóng để kịp thời tiếp nhận và xử lý thông tin, khiếu nại từ khách hàng;
- Mở rộng thêm các kênh giao tiếp với khách hàng, kênh thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt như App Zalo, Momo, thanh toán qua App ngân hàng tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đồng thời đảm bảo an toàn hoạt động tài chính của Công ty;
- Tiếp tục tuyên truyền vận động người dân không sử dụng nước giếng khoan chuyển sang sử dụng hoàn toàn bằng nước sạch nhằm bảo vệ tài nguyên và tăng sản lượng tiêu thụ;

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, chăm sóc khách hàng để thực hiện việc chuyển đổi số, ký số hợp đồng điện tử, thu thập thông tin xây dựng kho dữ liệu AI trả lời tự động, đẩy mạnh công tác truyền thông qua trang điện tử, tin nhắn để phục vụ khách hàng tốt hơn.

- Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn khách hàng cài đặt và sử dụng app SAWACO CSKH.

5.4. Giải pháp về nguồn nhân lực:

- Chú trọng đào tạo nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật cho người lao động thông qua kế hoạch đào tạo của Công ty hoặc tạo điều kiện, chính sách để người lao động tự học;

- Cải tiến, xây dựng chính sách tiền lương, thưởng theo hướng tính đúng, tính đủ, có cơ chế khuyến khích người lao động đổi mới sáng tạo, tăng năng suất hiệu quả lao động.

- Tiếp tục hoàn thiện về cơ cấu bộ máy tổ chức Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, luân chuyển nhân sự phù hợp trình độ, nhu cầu phòng ban đội.

5.5. Giải pháp về quản lý:

- Phối hợp tốt với địa phương trong công tác thông báo tình trạng sử dụng nước của khách hàng về tiêu thụ, thanh toán nợ tiền nước và trong công tác phối hợp mở rộng, nâng cấp các tuyến đường, hẻm nhằm tiết kiệm chi phí cải tạo, duy tu trong đầu tư xây dựng;

- Tiếp tục thu thập mã định danh để kiểm soát định mức nước và kiểm tra giá biểu kịp thời áp giá đúng cho từng đối tượng sử dụng nước góp phần ổn định giá bán bình quân; Triển khai ký kết hợp đồng điện tử để đảm bảo tính pháp lý giữa Công ty và khách hàng;

- Phát động phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến các quy trình thủ tục rút ngắn thời gian giải quyết công việc để nâng cao năng suất lao động và chất lượng dịch vụ khách hàng;

- Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo cho CB-CNV để cập nhật kịp thời các Nghị định, Thông tư và các thông tin về đấu thầu để đảm bảo công tác mua sắm vật tư, xây dựng, sửa chữa mạng lưới cấp nước tuân theo Luật đấu thầu và Quy trình mua sắm của Công ty.

- Tạo các kênh tương tác thông qua các ứng dụng điện tử, truyền thông để thấu hiểu khách hàng, mở rộng mô hình thanh toán cải thiện dịch vụ ngày càng hoàn thiện.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và trình chi tiêu Kế hoạch sản xuất- kinh doanh- tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Nhằm đảm bảo cơ sở và tính pháp lý để Ban điều hành Công ty có thể triển khai thực hiện các công tác sản xuất kinh doanh, đồng thời điều hành và chủ động điều chỉnh khi có yếu tố khách quan tác động đến các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu như sản lượng,

doanh thu, lợi nhuận... Theo đó để đảm bảo việc vận hành thuận lợi, đạt kế hoạch và phù hợp với tình hình thực tế, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua:

1/ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất- kinh doanh năm 2025 và chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2026;

2/ Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét, điều chỉnh các chỉ tiêu của Kế hoạch sản xuất - kinh doanh - tài chính năm 2026 cho phù hợp với tình hình thực tế trên cơ sở đảm bảo lợi ích tốt nhất của Công ty.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- CT. HĐQT; BGĐ (để báo cáo);
- Người QT Cty (để tổng hợp);
- Ban kiểm soát; Ban KTNB (để biết);
- Phòng – Ban – Đội; CĐ; ĐTN (để biết);
- Lưu: VT, KHV, A.17.



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NGỌC HÙNG

PHỤ LỤC

Kết quả hoạt động Sản xuất Kinh doanh - Đầu tư Xây dựng - Tài chính năm 2025

(Đính kèm Báo cáo số 487 /BC-GD ngày 17 tháng 3 năm 2026)

Chỉ tiêu	Đ/v tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện		Tỷ lệ (%) TH năm 2025 so với	
			2024	2025	TH 2024	KH 2025
A. SẢN XUẤT KINH DOANH		(1)	(2)	(3)	(4= 3/2)	(5=3/1)
1. Nước tiêu thụ (chuẩn 1)	Triệu m³	55,800	55,341	55,122	99,60%	98,78%
2. Gắn mới và tái lập ĐHN các cỡ	Cái	500	507	461	90,93%	92,20%
3. Thay, nâng hạ cỡ ĐHN cỡ nhỏ	Cái	34.061	33.103	32.560	98,36%	95,59%
4. Thay, nâng hạ cỡ ĐHN cỡ lớn	Cái	100	41	58	141,46%	58,00%
5. Tỷ lệ thất thoát nước bình quân	%	10,60	10,26	9,78	Thấp hơn 0,48%	Thấp hơn 0,82%
6. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100,00	100,00	100,00	100,00%	100,00%
B. ĐẦU TƯ XÂY DỰNG – MUA SẮM						
1. Phát triển mạng lưới cấp nước	Mét	618	0	618	-	100%
Giá trị khối lượng	Tỷ đồng	2,758	-	2,758	-	100%
Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	1,655	0,291	2,360	811%	142,60%
2. Đầu tư thay mới ống mục	Mét	13.603	13.033	13.122	100,68%	96,46%
Giá trị khối lượng	Tỷ đồng	56,281	53,090	54,742	103,11%	97,27%
Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	32,430	30,118	31,597	104,91%	97,43%
3.Công trình giảm nước TTTT	Mét	14.782	17.840	13.900	77,91%	94,03%
Giá trị khối lượng	Tỷ đồng	35,762	49,758	40,533	81,46%	113,34%
Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	23,221	34,996	22,349	63,86%	96,24%
4. Chi phí vật tư sửa bể, thay ĐH định kỳ, gắn mới ĐHN						

Chỉ tiêu	Đ/v tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện		Tỷ lệ (%) TH năm 2025 so với	
			2024	2025	TH 2024	KH 2025
<i>Giá trị khối lượng</i>	Tỷ đồng	50,000	32,984	48,419	146,80%	96,84%
<i>Giá trị giải ngân</i>	Tỷ đồng	40,000	28,936	38,942	134,58%	97,36%
5. Trang bị thiết bị quản lý mạng lưới, công nghệ thông tin						
<i>Giá trị khối lượng</i>	Tỷ đồng	41,250	22,018	42,480	192,93%	102,98%
<i>Giá trị giải ngân</i>	Tỷ đồng	32,960	18,958	37,232	196,39%	112,96%
6. Trang bị thiết bị văn phòng, đào tạo						
<i>Giá trị khối lượng</i>	Tỷ đồng	2,595	3,087	2,512	81,37%	96,80%
<i>Giá trị giải ngân</i>	Tỷ đồng	2,076	3,087	2,512	81,37%	121,00%
C. TÀI CHÍNH						
1. Tổng doanh thu, trong đó:	Tỷ đồng	684,545	683,654	676,176	98,91%	98,78%
<i>Doanh thu tiền nước (chuẩn 1)</i>	Tỷ đồng	677,245	668,710	668,118	99,91%	98,65%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50,540	50,146	50,687	101,08%	100,29%
3. Nộp ngân sách+ thu hộ Phí DVTN	Tỷ đồng	252,100	225,399	260,422	115,54%	103,30%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC GIA ĐỊNH

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 – 39



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa từ Chi nhánh Cấp nước Gia Định thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 6658/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Gia Định thành Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005928 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304806225 ngày 12 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 là 95.000.000.000 VND tương đương với 9.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là GDW) được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 651/QĐ-SGDHN ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 2Bis Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt đường;
- Bán buôn đồ uống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ khảo sát, giám sát xây dựng). Thiết kế công trình cấp - thoát nước.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên).

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị:

Họ tên	Chức vụ	
Ông Hoàng Thế Bảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 08/05/2025
Ông Nguyễn Thành Phúc	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 08/05/2025
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên	
Ông Phạm Thành Trung	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Bùi Thanh Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2025
Bà Trần Lệ Phương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2025
Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/05/2025
		Miễn nhiệm ngày 29/12/2025
Bà Phan Mỹ Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/12/2025
Bà Vũ Phương Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/05/2025
Ông Hồ Thanh Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/05/2025
Ông Trần Quang Phương	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/05/2025

Ban Kiểm soát:

Họ tên	Chức vụ
Bà Huỳnh Thị Bích Phương	Trưởng ban
Bà Tăng Mỹ Phương	Thành viên
Ông Trịnh Trọng Tâm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên

Ban Điều hành:

Họ tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Diệp	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Việt Nam	Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



NGUYỄN NGỌC HÙNG
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International
Số: 165/2026/BCKT-HCM.00131



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 1180-2023-009-1

Người được ủy quyền

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

LÊ HUỖNH BẢO
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán 5449-2026-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN				
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		128.438.741.758	125.231.925.443
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.432.254.028	58.519.180.687
1. Tiền	111		12.432.254.028	28.519.180.687
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	30.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.000.000.000	13.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	13.000.000.000	13.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		33.523.199.992	13.902.055.134
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	11.246.791.497	9.397.762.867
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.318.062.240	2.460.623.933
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	21.638.276.622	5.429.711.395
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(3.679.930.367)	(3.386.043.061)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	42.052.652.285	32.346.132.399
1. Hàng tồn kho	141		42.052.652.285	32.346.132.399
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.430.635.453	7.464.557.223
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	9.616.760.626	7.050.301.039
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.414.660.128	414.256.184
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	399.214.699	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		211.729.079.501	169.153.004.943
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		332.353.191	332.353.191
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	332.353.191	332.353.191
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		172.060.081.115	158.719.059.374
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	166.786.008.040	154.066.395.732
- Nguyên giá	222		643.517.989.809	596.668.318.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(476.731.981.769)	(442.601.923.158)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	5.274.073.075	4.652.663.642
- Nguyên giá	228		18.590.829.577	15.804.392.920
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.316.756.502)	(11.151.729.278)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.412.632.243	5.906.579.467
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	6.412.632.243	5.906.579.467
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		32.924.012.952	4.195.012.911
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	32.924.012.952	4.195.012.911
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		340.167.821.259	294.384.930.386

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		152.554.379.892	106.113.398.565
I. Nợ ngắn hạn	310		151.696.237.912	102.030.172.537
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	64.269.382.301	53.741.001.678
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	775.779.208	513.466.724
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.814.174.632	6.109.944.319
4. Phải trả người lao động	314		13.077.213.859	12.915.031.701
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	1.057.149.744	13.959.203
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	61.649.835.093	21.788.964.991
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	3.168.560.075	4.942.664.272
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	1.884.143.000	2.005.139.649
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		858.141.980	4.083.226.028
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.16	559.597.644	616.121.617
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	298.544.336	3.467.104.411
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		187.613.441.367	188.271.531.821
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	187.613.441.367	188.271.531.821
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.000.000.000	95.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		52.343.494.267	44.005.528.993
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.269.947.100	49.266.002.828
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể kỳ trước	421a		-	9.372.090.445
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		40.269.947.100	39.893.912.383
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		340.167.821.259	294.384.930.386

 CHÂU THỊ DIỆU TÂM Người lập biểu	 NGUYỄN THỊ QUỲNH DIỆP Kế toán trưởng	  NGUYỄN NGỌC HÙNG Giám đốc TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026
---	---	--

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		673.263.646.857	672.772.673.551
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		276.778.119	444.343.534
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	6.1	672.986.868.738	672.328.330.017
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	403.536.388.615	409.701.382.859
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		269.450.480.123	262.626.947.158
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.169.868.811	1.241.716.251
7. Chi phí tài chính	22	6.4	414.450.489	776.419.436
Trong đó: chi phí lãi vay	23		414.450.489	776.419.436
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	131.021.026.261	138.784.838.669
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	90.211.704.029	83.997.972.003
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		48.973.168.155	40.309.433.301
11. Thu nhập khác	31	6.7	2.011.105.571	10.083.820.244
12. Chi phí khác	32	6.8	296.956.753	247.516.530
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.714.148.818	9.836.303.714
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		50.687.316.973	50.145.737.015
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	10.417.369.873	10.251.824.632
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 – 51 - 52)	60		40.269.947.100	39.893.912.383
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	4.239	2.778



CHÂU THỊ DIỆU TÂM
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ QUỲNH DIỆP
Kế toán trưởng





NGUYỄN NGỌC HÙNG
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	50.687.316.973	50.145.737.015
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	38.092.069.086	34.259.441.460
- Các khoản dự phòng, (hoàn nhập)	03	380.356.140	(484.444.535)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.169.040.864)	(1.241.716.251)
- Chi phí lãi vay	06	414.450.489	776.419.436
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	88.405.151.824	83.455.437.125
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(22.380.811.421)	403.647.047
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(9.706.519.886)	(359.018.252)
- Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	51.947.609.419	(20.725.693.566)
- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(31.295.459.628)	(3.200.761.847)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(423.876.940)	(787.635.241)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.045.594.058)	(6.381.807.616)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	96.510.000	115.700.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.723.453.758)	(13.550.077.595)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	51.873.555.552	38.969.790.055
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(51.948.251.022)	(41.477.518.231)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.279.472	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	(13.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	13.000.000.000	13.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.149.560.591	1.338.713.513
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(50.790.410.959)	(40.138.804.718)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.942.664.272)	(4.942.664.272)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.227.406.980)	(16.684.247.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.170.071.252)	(21.626.911.402)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20 + 30 + 40)	50	(31.086.926.659)	(22.795.926.065)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	58.519.180.687	81.315.106.752
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60 + 61)	70	27.432.254.028	58.519.180.687



CHÂU THỊ DIỆU TÂM
Người lập biểu



NGUYỄN THỊ QUỲNH DIỆP
Kế toán trưởng



NGUYỄN NGỌC HÙNG
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định ("Công ty") là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa từ Chi nhánh Cấp nước Gia Định thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên theo Quyết định số 6658/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Gia Định thành Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005928 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304806225 ngày 12 tháng 08 năm 2025 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025 là 95.000.000.000 VND tương đương với 9.500.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là GDW) được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 651/QĐ-SGDHN ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 2Bis Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt đường;
- Bán buôn đồ uống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp (trừ khảo sát, giám sát xây dựng). Thiết kế công trình cấp - thoát nước.

Trong năm, hoạt động chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên).

1.4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số nhân viên của Công ty là 307 người (tại ngày 31/12/2024 là 309 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là khoản chi liên quan đến chi phí lắp đặt, sửa chữa, thi công hệ thống cấp nước còn dở dang; lượng nước sạch ước tính tồn trên hệ thống cấp nước.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm nhân thọ

Chi phí bảo hiểm nhân thọ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi phát sinh.

Công cụ, dụng cụ; chi phí trả trước khác

Các công cụ, dụng cụ; chi phí trả trước khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong Báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là bộ phận gắn với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 – 5 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Tiền lương

Trong năm 2025, Công ty đã trích lập quỹ lương Người lao động và Ban điều hành với số tiền là 74.238.220.000 VND, quỹ lương Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát với số tiền là 1.091.299.620 VND theo Nghị quyết số 34/NQ-GĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 do Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

4.12 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 17,5% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

4.13 Vốn góp chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

4.17 Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các cá nhân/ công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Cá nhân/ Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Nước sạch REE	Việt Nam	Cổ đông lớn
Ngân hàng TNHH MTV Số Viki	Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Việt Nam	Cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước	Việt Nam	Cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh	Việt Nam	Cùng Tổng công ty
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành		Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	497.074.000	92.011.000
Tiền gửi ngân hàng - VND	11.935.180.028	28.427.169.687
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	30.000.000.000
	27.432.254.028	58.519.180.687

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam với lãi suất 4,5%/năm đến 4,75%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000

Đây là khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có kỳ hạn từ 4-12 tháng, lãi suất từ 1,8%/năm đến 5%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	1.504.227.241	541.167.763
Phải thu các khách hàng khác		
Phải thu các khách hàng tiền nước	9.383.642.626	8.848.418.792
Các khách hàng khác	358.921.630	8.176.312
	11.246.791.497	9.397.762.867

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trả trước các bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	-	400.000
Trả trước người bán khác		
Công ty TNHH Du lịch và Truyền thông Chủ nhật Việt	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng và Hạ tầng An Phát	724.057.606	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tâm Hợp	727.227.462	
DNTN Hoa Hạnh	693.859.004	693.859.004
Công ty TNHH MTV Phát triển và Vươn xa	440.714.520	
Công ty TNHH Việt Thanh Sơn	383.220.657	417.821.953
Công ty TNHH Xây dựng Công trình thủy Khánh Long	-	556.428.919
Công ty Cổ phần Đầu tư TM - DV Đầu Home	-	300.000.000
Các nhà cung cấp khác	348.982.991	492.114.057
	4.318.062.240	2.460.623.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp Nước - vật tư cho mượn	-	-	21.944.000	-
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh - vật tư cho mượn	-	-	5.174.170	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Thuế GTGT chưa kê khai	1.442.684.150	-	628.578.083	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	274.795.890	-	254.487.670	-
Tạm ứng nhân viên	196.326.200	-	57.400.000	-
Ký quỹ	4.000.000	-	4.000.000	-
Phải thu đối duy tu về chi phí vật tư	19.105.496.330	-	3.843.153.420	-
Chi phí lắp đặt trụ cứu hỏa	614.974.052	-	614.974.052	-
	21.638.276.622	-	5.429.711.395	-

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Ký quỹ	332.353.191	-	332.353.191	-
	332.353.191	-	332.353.191	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng						
Phải thu các khách hàng khác						
Nợ quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	153.840.416	107.688.291	(46.152.125)	-	-	-
Nợ quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	172.040.752	86.020.376	(86.020.376)	164.664.137	82.332.069	(82.332.068)
Nợ quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm	192.290.128	57.687.039	(134.603.089)	404.089.077	121.226.723	(282.862.354)
Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên	2.685.117.515	-	(2.685.117.515)	2.206.342.543	-	(2.206.342.543)
Trả trước người bán						
Trả trước cho người bán khác						
Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên	728.037.262	-	(728.037.262)	814.506.096	-	(814.506.096)
	3.931.326.073	251.395.706	(3.679.930.367)	3.589.601.853	203.558.792	(3.386.043.061)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.734.776.560	-	16.397.738.604	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	19.317.875.725	-	15.948.393.795	-
	42.052.652.285	-	32.346.132.399	-

(*) Bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các công trình sau:

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công trình lắp đặt Hàm đồng hồ tổng	203.784.679	203.784.679
Công trình di dời Hệ thống cấp nước trong phạm vi dự án	233.218.723	233.218.723
Chi phí dở dang - tiêu thụ nước sạch	18.269.933.199	15.080.440.399
Công trình khác	610.939.124	430.949.994
	19.317.875.725	15.948.393.795

5.8 Chi phí trả trước

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	5.060.291.912	5.009.756.853
Chi phí công cụ, dụng cụ	132.163.339	226.230.068
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.424.305.375	1.814.314.118
	9.616.760.626	7.050.301.039

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.990.398.464	2.965.396.245
Chi phí chống thất thoát nước	26.109.469.678	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.824.144.810	1.229.616.666
	32.924.012.952	4.195.012.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2025	30.775.423.613	31.823.608.693	509.757.263.239	24.312.023.345	596.668.318.890
Mua trong năm	-	8.944.134.217	-	11.777.599.000	20.721.733.217
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	27.934.028.372	-	27.934.028.372
Thanh lý trong năm	-	(37.150.000)	-	(1.768.940.670)	(1.806.090.670)
Tại 31/12/2025	30.775.423.613	40.730.592.910	537.691.291.611	34.320.681.675	643.517.989.809
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2025	15.846.546.703	17.313.293.735	396.517.986.571	12.924.096.149	442.601.923.158
Khấu hao trong năm	1.038.996.540	4.642.297.415	26.666.103.695	3.579.644.212	35.927.041.862
Thanh lý trong năm	-	(37.150.000)	-	(1.759.833.251)	(1.796.983.251)
Tại 31/12/2025	16.885.543.243	21.918.441.150	423.184.090.266	14.743.907.110	476.731.981.769
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2025	14.928.876.910	14.510.314.958	113.239.276.668	11.387.927.196	154.066.395.732
Tại 31/12/2025	13.889.880.370	18.812.151.760	114.507.201.345	19.576.774.565	166.786.008.040

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là:

Tại 01/01/2025	5.247.745.413	11.667.127.747	257.467.426.101	9.253.778.670	283.636.077.931
Tại 31/12/2025	5.247.745.413	12.410.624.197	282.991.396.954	9.171.684.545	309.821.451.109

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu (xem thuyết minh 5.17).

Tại 01/01/2025	14.698.318.457	-	4.146.033.702	-	18.844.352.159
Tại 31/12/2025	13.731.020.177	-	1.477.332.822	-	15.208.352.999

5.10 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Chương trình phần mềm VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại 01/01/2025	15.804.392.920
Mua trong năm	2.786.436.657
Tại 31/12/2025	18.590.829.577
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại 01/01/2025	11.151.729.278
Khấu hao trong năm	2.165.027.224
Tại 31/12/2025	13.316.756.502
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại 01/01/2025	4.652.663.642
Tại 31/12/2025	5.274.073.075

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.160.329.427 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9.420.677.024 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2025 VND	Chi phí phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển tài sản cố định VND	31/12/2025 VND
- Phát triển mạng lưới cấp nước lẻ trái đường Lê Văn Sỹ (Đặng Văn Ngũ - cầu Lê Văn Sỹ) Phú Nhuận + Quận 3	2.755.199.411	17.073.437	-	2.772.272.848
- Chi phí sửa chữa ống mục đường Lê Quang Định (từ Phạm Văn Đồng - Nguyễn Văn Nghi), Phường 1, Phường 4, Quận Gò Vấp	1.002.775.582	-	-	1.002.775.582
- Chi phí sửa chữa ống mục đường Trục 30 đến Rạch Lăng, Phường 13, Quận Bình Thạnh	899.523.869	-	-	899.523.869
- Đầu tư thay mới ống mục hẻm 20, 96, 118 (từ 118/2 đến 118/20) Đặng Thuỷ Trâm; hẻm 21 (từ đầu hẻm đến hẻm 96 Đặng Thuỷ Trân), 35 (từ đầu hẻm đến hẻm 21 Bình Lợi), 127 (từ 127 đến 127/40) Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh	230.600.620	3.638.827.216	(3.869.427.836)	-
- Đầu tư thay mới ống mục đường Ngô Đức Kế (304/42 Bùi Đình Túy đến 133 Ngô Đức Kế, H30, 60, 71, 81, 131 Ngô Đức Kế, H274, 304, 304/12 Bùi Đình Túy, Phường 12, Quận Bình Thạnh)	172.545.104	2.971.369.366	(3.143.914.470)	-
- Đầu tư thay mới ống mục hẻm 280 Bùi Hữu Nghĩa, Phường 2, Quận Bình Thạnh	168.996.934	3.062.843.642	(3.231.840.576)	-
- Đầu tư thay mới ống mục đường Huỳnh Văn Bánh (từ Trần Huy Liệu đến 324 Huỳnh Văn Bánh), Phường 11, 525 Huỳnh Văn Bánh, Phường 13, Quận Phú Nhuận	-	3.906.075.560	(3.906.075.560)	-
- Công trình khác	676.937.947	14.843.891.927	(13.782.769.930)	1.738.059.944
	5.906.579.467	28.440.081.148	(27.934.028.372)	6.412.632.243

Công trình phát triển mạng lưới cấp nước sử dụng vốn vay ngân hàng đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu (xem Thuyết minh 5.17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	39.528.945.084	39.528.945.084	36.183.815.719	36.183.815.719
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	69.027.157	69.027.157	69.027.157	69.027.157
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp Nước	15.892.000	15.892.000	15.892.000	15.892.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh	137.077.029	137.077.029	137.077.029	137.077.029
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Các nhà cung cấp khác	24.518.441.031	24.518.441.031	17.335.189.773	17.335.189.773
	64.269.382.301	64.269.382.301	53.741.001.678	53.741.001.678

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Song Hòa	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Trường Quốc tế Sydney	195.570.338	-
Các khách hàng khác	520.208.870	453.466.724
	775.779.208	513.466.724

5.14 Thuế và các khoản (phải thu)/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2025	Số phát sinh trong năm			31/12/2025	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Chuyển khẩu trừ/ Hoàn thuế VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.089.108.738	49.791.361.072	(18.942.549.288)	(30.637.686.541)	1.300.233.981	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.640.382.377	10.417.369.873	(11.045.594.058)	-	4.012.158.192	-
Thuế thu nhập cá nhân (a)	380.453.204	4.227.913.980	(3.283.106.489)	(823.478.236)	501.782.459	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất (b)	-	532.286.266	(931.500.965)	-	-	(399.214.699)
Phí bảo vệ môi trường (c)	-	1.910.165	(1.910.165)	-	-	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	163.051.887	(163.051.887)	-	-	-
	6.109.944.319	65.136.893.243	(34.370.712.852)	(31.461.164.777)	5.814.174.632	(399.214.699)

- (a) Trong năm, Công ty đã hoàn thuế thu nhập cá nhân nộp thừa năm 2024 cho người lao động với giá trị 823.478.236 VND theo Tờ khai Quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2024.
- (b) Trong năm, Công ty được giảm tiền thuê đất phải nộp của năm 2025 của các khu đất theo Quyết định số 11582/QĐ-TPHCM ngày 05 tháng 11 năm 2025 với tổng số tiền là 399.214.699 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng bán nước sạch là 5%, hoạt động khác là 8%, 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.687.316.973	50.145.737.015
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.395.532.391	1.113.386.143
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	52.082.849.364	51.259.123.158
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.416.569.873	10.251.824.632
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	800.000	-
Tổng thuế TNDN phải nộp	10.417.369.873	10.251.824.632

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

(c) Phí bảo vệ môi trường, dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

Theo quy định hiện hành, phí bảo vệ môi trường được thay thế bằng phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải là 30% trên giá nước cấp, áp dụng trong năm 2025. Công ty thu hộ phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải và nộp phí này theo số thực thu cho cục thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả các bên liên quan		
Chi phí thuê tài sản cố định - Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	1.052.616.992	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí lãi vay phải trả	4.532.752	13.959.203
	1.057.149.744	13.959.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.16 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả các bên liên quan		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên - cổ tức (*)	2.110.000	-
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh - ký quỹ bảo lãnh lượng nước sử dụng	31.607.280	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	221.206.282	219.107.482
Kinh phí hoạt động Đảng	-	139.386.896
Phải trả phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	57.722.734.484	18.073.936.222
Phải trả cổ tức (*)	925.265.823	732.692.358
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.698.261.880	2.354.653.840
Phải trả khác	48.649.344	269.188.193
	61.649.835.093	21.788.964.991

(*) Số dư phải trả cổ tức tại ngày 31/12/2025 bao gồm khoản chênh lệch giữa số đã thực chi và số cổ tức phân phối từ lợi nhuận còn lại năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 05/NQ-GĐ ngày 08 tháng 05 năm 2025 với số tiền là 5.090.445 VND.

5.16.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh - ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	6.423.699	6.423.699
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược	553.173.945	609.697.918
	559.597.644	616.121.617

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả cho các tổ chức khác				
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóng Thần (*)	2.551.877.015	2.551.877.015	2.847.728.272	2.847.728.272
Vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Á Châu (*)	616.683.060	616.683.060	2.094.936.000	2.094.936.000
	3.168.560.075	3.168.560.075	4.942.664.272	4.942.664.272

(*) Đây là số dư các khoản vay dài hạn tại mục 5.17.2 sẽ đến hạn trả trong 12 tháng tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2025 VND	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2025 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	4.942.664.272	3.168.560.075	(4.942.664.272)	3.168.560.075

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóng Thần (a)	2.850.421.351	2.850.421.351	5.698.149.623	5.698.149.623
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu (b)	616.683.060	616.683.060	2.711.619.060	2.711.619.060
Vay dài hạn đến hạn trả	(3.168.560.075)	(3.168.560.075)	(4.942.664.272)	(4.942.664.272)
	298.544.336	298.544.336	3.467.104.411	3.467.104.411

- a) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Sóng Thần theo các hợp đồng vay với tổng hạn mức cho vay tối đa là 39.939.000.000 VND có thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất vay chung là 7,5%/năm trong năm đầu tiên và bằng lãi suất huy động 12 tháng cá nhân của 04 ngân hàng (Vietinbank, Vietcombank, BIDV và Agribank) + Margin 1,4%/năm. Mục đích vay để phục vụ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty. Các khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- b) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu theo các hợp đồng vay với tổng hạn mức cho vay là 22.000.000.000 VND, thời hạn vay 120 tháng. Lãi suất 7,7%/năm cho 12 tháng đầu tiên, kể từ tháng 13 trở đi lãi suất điều chỉnh 6 tháng/ lần. Mục đích vay để đầu tư tài sản cố định cho hoạt động sản xuất kinh doanh nước sạch. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp các tài sản sau:
- Bất động sản tại 2Bis Nơ Trang Long, Phường 14, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh trị giá 20.439.000.000 VND.
 - Tài sản hình thành từ vốn vay cho công trình "Phát triển mạng lưới cấp nước Bình Thạnh - Phú Nhuận - Gò Vấp - Quận 3 đợt 3 năm 2015" trị giá 5.239.070.705 VND.
 - Tài sản hình thành từ vốn vay cho công trình "Đầu tư thay mới ống mục DMA 46, Phường 7, Quận Phú Nhuận" trị giá 6.641.412.683 VND.
 - Tài sản hình thành từ vốn vay cho công trình "Đầu tư thay mới ống mục DMA số 3,4 - Phường 3, Quận Bình Thạnh" trị giá 16.129.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2025 VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	31/12/2025 VND
Vay dài hạn ngân hàng	3.467.104.411	(3.168.560.075)	298.544.336

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2025	Tăng từ lợi nhuận	Nhận quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	31/12/2025
	VND	VND		VND	VND
Quỹ khen thưởng	1.530.876.052	13.117.147.109	96.510.000	(13.334.653.758)	1.409.879.403
Quỹ phúc lợi	452.124.512	-	-	-	452.124.512
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	22.139.085	388.800.000	-	(388.800.000)	22.139.085
	2.005.139.649	13.505.947.109	96.510.000	(13.723.453.758)	1.884.143.000

5.19 Vốn chủ sở hữu

5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2024	95.000.000.000	41.176.564.165	41.703.687.167	177.880.251.332
Lãi trong năm	-	-	39.893.912.383	39.893.912.383
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.828.964.828	(2.828.964.828)	-
Trích lập các quỹ	-	-	(12.762.824.516)	(12.762.824.516)
Chia cổ tức	-	-	(16.739.807.378)	(16.739.807.378)
Số dư tại 31/12/2024	95.000.000.000	44.005.528.993	49.266.002.828	188.271.531.821
Số dư tại 01/01/2025	95.000.000.000	44.005.528.993	49.266.002.828	188.271.531.821
Lãi trong năm	-	-	40.269.947.100	40.269.947.100
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	8.337.965.274	(8.337.965.274)	-
Trích lập các quỹ	-	-	(13.505.947.109)	(13.505.947.109)
Chia cổ tức	-	-	(27.422.090.445)	(27.422.090.445)
Số dư tại 31/12/2025	95.000.000.000	52.343.494.267	40.269.947.100	187.613.441.367

5.19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (sửa đổi), vốn điều lệ của Công ty là 95.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần	Tỷ lệ
		VND	%		VND	%
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	4.865.000	48.650.000.000	51,21	4.865.000	48.650.000.000	51,21
Công ty TNHH Nước Sạch REE	1.904.688	19.046.880.000	20,05	1.904.688	19.046.880.000	20,05
Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki	950.000	9.500.000.000	10,00	950.000	9.500.000.000	10,00
Các cổ đông khác	1.780.312	17.803.120.000	18,74	1.780.312	17.803.120.000	18,74
	9.500.000	95.000.000.000	100,00	9.500.000	95.000.000.000	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.500.000	9.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.500.000	9.500.000
Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.500.000	9.500.000
Cổ phiếu phổ thông	9.500.000	9.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.19.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 và lợi nhuận chưa phân phối của năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 05/NQ-GĐ ngày 08 tháng 05 năm 2025 như sau:

	VND
Phân phối lợi nhuận năm 2024	
Chia cổ tức cho các cổ đông	18.050.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	8.337.965.274
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.117.147.109
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	388.800.000
Phân phối lợi nhuận năm 2023 còn chưa phân phối	
Chia cổ tức cho các cổ đông	9.372.090.445

5.20 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Thuê của các bên liên quan

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Giá trị tài sản thuê	42.104.679.661	42.104.679.661

Công ty thuê mạng lưới cấp nước của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên theo Hợp đồng cho thuê tài sản hoạt động số 2685/HĐ-TCT-KTTC ngày 08 tháng 05 năm 2025. Thời hạn thuê là 1 năm từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Thuê của các tổ chức và cá nhân khác

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dưới 1 năm	765.630.032	694.512.000
Trên 1 năm đến 5 năm	1.087.292.800	1.620.528.000
	1.852.922.832	2.315.040.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Doanh thu thuần

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	668.766.653.044	669.780.262.274
Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước, thi công và dịch vụ	1.905.634.028	2.134.156.466
Doanh thu thi công xây dựng	2.591.359.785	858.254.811
Trừ: Hàng bán bị trả lại	(276.778.119)	(444.343.534)
Doanh thu thuần	672.986.868.738	672.328.330.017

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	875.508.618	-
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh	58.993.134	-

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch (*)	402.727.128.427	409.171.194.082
Giá vốn lắp đặt đồng hồ nước, thi công và dịch vụ	740.292.817	328.097.926
Giá vốn công trình xây dựng	68.967.371	202.090.851
Giá vốn hàng bán	403.536.388.615	409.701.382.859

(*) Trong giá vốn cung cấp nước sạch năm 2025, theo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 1437/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 17 tháng 03 năm 2025 và Phụ lục hợp đồng số 1579/PLHĐ-TCT-KDDVKH ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc điều chỉnh đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2025 ký giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên, Công ty đã ghi nhận đơn giá mua sỉ nước sạch là 6.636,91 VND/m³ áp dụng từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 (đơn giá là 6.615,74 VND/m³ áp dụng từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024).

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.169.868.811	1.241.716.251
Doanh thu hoạt động tài chính	1.169.868.811	1.241.716.251

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	414.450.489	776.419.436
Chi phí tài chính	414.450.489	776.419.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	52.516.743.728	53.095.258.717
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.006.798.115	1.432.825.427
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.347.397.650	30.210.194.019
Chi phí gần, thay đồng hồ nước	21.504.223.918	21.195.593.156
Chi phí sửa chữa ống mục	18.498.797.035	27.757.232.196
Chi phí thuê tài sản cố định	4.210.467.967	4.210.467.967
Chi phí bán hàng khác	936.597.848	883.267.187
	131.021.026.261	138.784.838.669

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	42.905.937.151	41.350.737.166
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.294.509.549	1.093.091.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.744.671.436	4.049.247.441
Thuế, phí và lệ phí	647.849.619	1.386.434.806
Chi phí dự phòng	380.356.140	185.700.295
Chi phí dịch vụ	4.561.891.018	4.314.051.778
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	34.676.489.116	31.618.708.972
	90.211.704.029	83.997.972.003

6.7 Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải	1.767.490.686	1.476.638.485
Thu phí mở niêm phong đồng hồ nước	96.380.868	89.201.366
Thu nhập từ kiểm định đồng hồ nước	66.413.424	39.570.403
Thu nhập thanh lý công cụ, dụng cụ	39.627.273	3.009.091
Thu nhập từ thanh lý vật tư cũ	-	8.368.000.000
Thu nhập khác	41.193.320	107.400.899
	2.011.105.571	10.083.820.244

6.8 Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	827.947	-
Phạt chậm nộp thuế	163.051.887	-
Xử lý công nợ	56.378.820	-
Chi phí thanh lý công cụ, dụng cụ	24.950.013	-
Chi phí thanh lý vật tư cũ	-	220.783.658
Chi phí khác	51.748.086	26.732.872
	296.956.753	247.516.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

		Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	40.269.947.100	39.893.912.383
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	-	(13.505.947.109)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	40.269.947.100	26.387.965.274
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong năm	CP	9.500.000	9.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VND/CP	4.239	2.778

- (*) Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 13.505.947.109 VND. Vì vậy, lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm một khoản tương ứng. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 giảm từ 4.199 VND/cổ phiếu xuống 2.778 VND/cổ phiếu.

Công ty có kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trên lợi nhuận sau thuế năm 2025, phương án trích lập này sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp tới.

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.003.020.953	48.952.825.352
Chi phí nhân công	95.422.680.879	94.445.995.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.092.069.086	34.259.441.460
Chi phí khác	47.714.959.372	45.124.547.977
	221.232.730.290	222.782.810.672

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	4.942.664.272	4.942.664.272

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự thay đổi của giá thị trường do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch cho các khu vực đã được phân công theo sự chỉ đạo của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, chi phí hoạt động của Công ty chủ yếu là giá mua sỉ nước sạch từ Tổng Công ty. Công ty chủ yếu cũng vay dài hạn từ ngân hàng theo các hợp đồng vay có thời hạn 10 năm với lãi suất cố định và các giao dịch của Công ty không liên quan đến ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.6.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Phải trả người bán	64.269.382.301	-	64.269.382.301
Chi phí phải trả	1.057.149.744	-	1.057.149.744
Phải trả khác	60.501.252.988	559.597.644	61.060.850.632
Các khoản vay	3.168.560.075	298.544.336	3.467.104.411
	128.996.345.108	858.141.980	129.854.487.088
Ngày 01 tháng 01 năm 2025			
Phải trả người bán	53.741.001.678	-	53.741.001.678
Chi phí phải trả	13.959.203	-	13.959.203
Phải trả khác	20.697.778.255	616.121.617	21.313.899.872
Các khoản vay	4.942.664.272	3.467.104.411	8.409.768.683
	79.395.403.408	4.083.226.028	83.478.629.436

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025:

- Công ty đang thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc và một số mạng lưới cấp nước hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu.
- Công ty đang nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng sau đây thể hiện tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Phải thu khách hàng	11.246.791.497	9.397.762.867	8.294.898.392	6.826.225.902
Phải thu khác	1.226.123.133	1.232.933.083	1.226.123.133	1.232.933.083
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.432.254.028	58.519.180.687	27.432.254.028	58.519.180.687
	52.905.168.658	82.149.876.637	49.953.275.553	79.578.339.672
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	64.269.382.301	53.741.001.678	64.269.382.301	53.741.001.678
Chi phí phải trả	1.057.149.744	13.959.203	1.057.149.744	13.959.203
Phải trả khác	61.060.850.632	21.313.899.872	61.060.850.632	21.313.899.872
Các khoản vay	3.467.104.411	8.409.768.683	3.467.104.411	8.409.768.683
	129.854.487.088	83.478.629.436	129.854.487.088	83.478.629.436

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

v. Phòng ngừa rủi ro

Công ty không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương, thưởng, thù lao:			
Ông Hoàng Thế Bảo	Chủ tịch HĐQT	362.501.077	-
Ông Nguyễn Thanh Phúc	Nguyên Chủ tịch HĐQT	539.103.088	796.062.355
Bà Trần Lê Phương	Thành viên HĐQT	58.000.000	-
Ông Bùi Thanh Giang	Thành viên HĐQT	56.000.000	-
Ông Phạm Thành Trung	Thành viên HĐQT	115.428.571	103.428.571
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	115.428.571	103.428.571
Bà Phan Mỹ Hòa	Thành viên HĐQT	-	-
Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	Nguyên thành viên HĐQT	56.000.000	-
Bà Vũ Phương Thảo	Nguyên thành viên HĐQT	59.428.571	103.428.571
Ông Hồ Thanh Cường	Nguyên thành viên HĐQT	59.428.571	103.428.571
Ông Trần Quang Phương	Nguyên thành viên HĐQT	61.428.571	106.428.571
Bà Huỳnh Thị Bích Phương	Trưởng BKS	583.838.827	556.518.251
Ông Hoàng Văn Hùng	Nguyên Trưởng BKS	-	127.911.131
Bà Tăng Mỹ Phương	Thành viên BKS	68.714.286	69.714.286
Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Thành viên BKS	63.714.286	63.714.286
Ông Trịnh Trọng Tâm	Thành viên BKS	69.714.286	69.714.286
Bà Phạm Thị Phương Linh	Thành viên BKS	69.214.286	69.714.286
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT & Giám đốc	918.117.331	915.366.481
Ông Nguyễn Tuấn Ngọc	Phó Giám đốc	617.371.928	650.851.008
Ông Đặng Ngọc Hà	Phó Giám đốc	644.674.128	667.333.365
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Diệp	Kế toán trưởng	591.419.870	619.860.899
		5.109.526.248	5.126.903.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm, Công ty có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu với các công ty có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên			
	Mua sỉ nước sạch	405.916.621.227	408.758.305.541
	Thuê tài sản	4.210.467.967	4.210.467.967
	Chia cổ tức	14.042.500.000	8.572.130.000
	Nhận nhượng quyền gia hạn sử dụng bản quyền và dịch vụ phần mềm ArcGIS	2.400.486.657	-
	Cung cấp dịch vụ lắp đặt trụ cứu hỏa	875.508.618	-
	Chi phí đào tạo, truyền thông	180.591.433	185.195.558
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước			
	Mua vật tư	-	280.000.000
	Chi phí kiểm tra, kiểm định đồng hồ nước	2.176.000	680.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh			
	Cung cấp nước sửa ống cấp nước	26.680.500	-
	Cung cấp dịch vụ sửa bể	32.312.634	-
	Ký quỹ bảo lãnh lượng nước sử dụng	31.607.280	-

Số dư với các bên liên quan:

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên			
	Phải thu khách hàng	1.504.227.241	541.167.763
	Phải trả người bán	39.528.945.084	36.183.815.719
	Trả trước cho người bán	-	400.000
	Phải trả khác - cổ tức	2.110.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp Nước			
	Phải trả người bán	69.027.157	69.027.157
Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp Nước			
	Phải thu khác - vật tư cho mượn	-	21.944.000
	Phải trả người bán	15.892.000	15.892.000
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh			
	Phải thu khác	-	5.174.170
	Phải trả người bán	137.077.029	137.077.029
	Phải trả khác - nhận ký quỹ bảo lãnh lượng nước sử dụng	31.607.280	-
	Phải trả khác - nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	6.423.699	6.423.699

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9.2 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

9.2.1 Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực: cung cấp nước sạch
- Lĩnh vực: gắn đồng hồ nước và dịch vụ khác

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp nước sạch	Gắn đồng hồ nước và dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND
Năm 2025			
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	668.577.769.511	4.409.099.227	672.986.868.738
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	668.577.769.511	4.409.099.227	672.986.868.738
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(402.727.128.427)	(809.260.188)	(403.536.388.615)
Lãi gộp theo bộ phận	265.850.641.084	3.599.839.039	269.450.480.123
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(221.232.730.290)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			48.217.749.833
Doanh thu hoạt động tài chính			1.169.868.811
Chi phí tài chính			(414.450.489)
Thu nhập khác			2.011.105.571
Chi phí khác			(296.956.753)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(10.417.369.873)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			40.269.947.100
Năm 2024			
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	669.486.615.166	2.841.714.851	672.328.330.017
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	669.486.615.166	2.841.714.851	672.328.330.017
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(409.171.194.082)	(530.188.777)	(409.701.382.859)
Lãi gộp theo bộ phận	260.315.421.084	2.311.526.074	262.626.947.158
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(222.782.810.672)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			39.844.136.486
Doanh thu hoạt động tài chính			1.241.716.251
Chi phí tài chính			(776.419.436)
Thu nhập khác			10.083.820.244
Chi phí khác			(247.516.530)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(10.251.824.632)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			39.893.912.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

9.2.2 Thông tin về khu vực địa lý


Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.


9.3 Thông tin khác


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 23.257.496.154 VND. Tuy nhiên, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu là các khoản nợ do mua sỉ nước sạch, phí dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải thu hộ Nhà nước. Ban Giám đốc Công ty xác định đây là các khoản nợ phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động thường xuyên của Công ty. Do đó, báo cáo tài chính của Công ty đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính (ngày 31 tháng 12 năm 2025) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


CHÂU THỊ DIỆU TÂM
Người lập biểu


NGUYỄN THỊ QUỲNH DIỆP
Kế toán trưởng


NGUYỄN NGỌC HÙNG
Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO
Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị
và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 của Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định (Điều lệ Công ty), Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị (HDQT) xin báo cáo hoạt động như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025:

1) Cơ cấu thành viên HDQT:

HDQT gồm 07 thành viên, hiện nay đang hoạt động ổn định, có trình độ chuyên môn và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động chính của Công ty: gồm các: Ông/Bà Hoàng Thế Bảo - là Chủ tịch HDQT, Nguyễn Ngọc Hùng - là Giám đốc Công ty, Bùi Thanh Giang, Phan Mỹ Hòa, Phạm Thành Trung, Nguyễn Anh Tuấn, Trần Lệ Phương - là thành viên đại diện vốn góp của các cổ đông là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (SWC), Công ty TNHH Nước sạch REE, Ngân hàng số Vikki.

Với cơ cấu nhân sự hiện tại, thành viên HDQT Công ty chưa có thành viên độc lập HDQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

2) Về kết quả sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2025, với sự nỗ lực phấn đấu của Ban điều hành cùng việc phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định vẫn hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm, cụ thể:

Công ty đảm bảo việc quản lý, vận hành ổn định mạng lưới phân phối và cấp nước an toàn, liên tục, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng theo kế hoạch năm; An toàn thông tin mạng và dữ liệu khách hàng, hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo an toàn dòng tiền thu, bảo toàn phát triển vốn, làm tròn nghĩa vụ với nhà nước và cổ đông. Nổi bật, tỷ lệ nước thất thoát thất thu đạt 9,78% thấp hơn 0,82% so với kế hoạch và thấp hơn 0,48% so với cùng kỳ năm 2024 cho thấy các giải pháp giảm nước thất thoát thất thu hiện tại đạt được mục tiêu và kế hoạch đề ra;

Tuy nhiên Công ty vẫn đang phải đối mặt với những thách thức dài hạn của ngành nước như: chi phí đầu vào tăng trong điều kiện giá bán từ năm 2024 chưa được tăng theo lộ trình gây



sức ép đáng kể lên công tác quản lý, vận hành hệ thống cấp nước. Sản lượng nước tiêu thụ giảm nhẹ so với năm 2024, khuynh hướng sử dụng nước tiết kiệm hơn ở các hộ gia đình và tình trạng chuyển đổi hình thức kinh doanh, sản xuất từ trực tiếp sang trực tuyến; nhiều mặt bằng kinh doanh và các trụ sở đóng cửa, ngừng sử dụng nước ảnh hưởng đến việc gia tăng doanh thu nước của Công ty; Tỷ lệ khách hàng sử dụng nước thấp dưới 4m^3 trong năm 2025 có xu hướng tăng nhẹ 2,11% so với năm 2024, điều này gây ảnh hưởng đến tỷ lệ nước thất thoát thất thu, cho thấy nhu cầu sử dụng nước của khách hàng có xu hướng giảm dần;

Khó khăn trong công tác xin cấp phép đào đường và thỏa thuận hướng tuyến phải có ý kiến đồng thuận của nhiều cơ quan quản lý công trình ngầm như: điện lực, viễn thông, Trung tâm quản lý hạ tầng kỹ thuật, Trung tâm quản lý hạ tầng giao thông đường bộ dẫn đến việc chậm trễ triển khai thi công các công trình cải tạo ống mục gây ảnh hưởng tiến độ hoàn thành chỉ tiêu đầu tư xây dựng, giảm thất thoát nước chung của Công ty và chất lượng phục vụ khách hàng;

Tuy nhiên, với việc xác định nhiệm vụ trọng tâm là đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục cho người dân trên địa bàn, Công ty đã nỗ lực khắc phục khó khăn, tập trung thực hiện chương trình cấp nước an toàn trên cơ sở nâng cao chất lượng công tác quản lý kỹ thuật - kinh doanh, vận hành khai thác tốt mạng lưới cấp nước và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Công ty tiếp tục duy trì bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được sử dụng nước sạch.

Năm 2025, Công ty đã đảm bảo việc bảo toàn vốn góp, hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước, với các kết quả chính như sau:

- Sản lượng nước mua sỉ với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH đạt 61,160 triệu m^3 , chiếm 97,99% kế hoạch, giảm 1,02% (tương đương 0,626 triệu m^3) so với năm 2024.
- Sản lượng nước (chuẩn 1) đạt 55,122 triệu m^3 , đạt 98,78% kế hoạch, đạt 99,60% tương ứng giảm 0,219 triệu m^3 so với cùng kỳ năm 2024.
- Gắn mới và tái lập 461 đồng hồ nước, đạt 92,20% kế hoạch, nâng tổng số đồng hồ nước trên toàn mạng lên 139.045 đầu nối, tiếp tục duy trì bền vững chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch.
- Thay được 32.560 đồng hồ nước cỡ nhỏ và 58 đồng hồ nước cỡ lớn, đạt lần lượt 95,59% và 58,00% so với kế hoạch.
- Tỷ lệ nước thất thoát thất thu ở mức 9,78%, thấp hơn 0,82% so với kế hoạch năm 2025 và thấp hơn 0,48% so với cùng kỳ năm 2024.
- 16.336 đồng hồ nước khách hàng có tiêu thụ thấp từ 0m^3 đến 4m^3 , chiếm tỷ trọng 11,75% trên tổng số đồng hồ khách hàng, tăng 2,11% (tương đương 2.946 đồng hồ) so với năm 2024.
- Tổng doanh thu ghi nhận ở mức 676,167 tỷ đồng; đạt 98,78% kế hoạch năm, giảm 1,09% (tương đương 7,487 tỷ đồng), trong đó doanh thu tiền nước (theo chuẩn 1) chiếm 668,118 tỷ đồng, giảm 0,09% (tương đương 0,592 tỷ đồng) so với năm 2024.

Giá bán bình quân đạt 12.121 đồng/m³, thấp hơn 16 đồng/m³ so với kế hoạch (12.137 đồng/m³) và tăng 38 đồng/m³ so với năm 2024;

- Lợi nhuận trước thuế 50,687 tỷ đồng, đạt 100,29% kế hoạch, tăng 1,08% (tương đương 0,541 tỷ đồng) so với năm 2024. Nộp các khoản thuế phí và thu hộ phí dịch vụ thoát nước 260,422 tỷ đồng, đạt 103,30% kế hoạch năm, tăng 15,54% (tương đương 35,023 tỷ đồng) so với năm 2024.

Với việc triển khai đồng bộ giải pháp tích cực và hiệu quả, đánh giá chung kết quả hoạt động theo các chỉ tiêu đã đề ra tại Nghị quyết số 05/NQ-GĐ ngày 08/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông năm 2025 nhận thấy hiệu quả hoạt động ổn định, chỉ tiêu sản lượng nước và tổng doanh thu đạt ngưỡng 98,78%; lợi nhuận trước thuế tăng nhẹ 0,29%:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	Ss TH/KH (%)
1. Sản lượng nước	triệu m ³	55,800	55,122	98,78%
2. Tổng doanh thu	tỷ đồng	684,545	676,167	98,78%
3. Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	50,540	50,687	100,29%

3) Về hoạt động của HĐQT:

Năm 2025, HĐQT đã điều hành hoạt động thông qua **05 phiên họp và các ý kiến biểu quyết bằng văn bản giữa các phiên họp**. Việc tổ chức họp và lấy ý kiến được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đảm bảo tính minh bạch, hợp pháp và hiệu lực thi hành.

Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ theo nhóm chuyên trách đề chủ động công tác và nâng cao trách nhiệm làm việc. Tất cả thành viên tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến xác thực theo nội dung đặt ra, đồng thuận cao theo thẩm quyền về các quyết định và nỗ lực trong việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ và các quy định quản trị nội bộ Công ty.

HĐQT ban hành tổng cộng **02 Nghị quyết ĐHĐCĐ; 11 nghị quyết HĐQT, 04 quyết định** liên quan đến các lĩnh vực trọng yếu như: định hướng hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính; đầu tư xây dựng, tiền lương người lao động và các nội dung khác theo thẩm quyền. HĐQT làm tròn nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành. Tất cả được ban hành và công bố thông tin đầy đủ theo quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết.

Hoạt động của HĐQT tuân thủ theo quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty, Quy chế quản trị nội bộ mà HĐQT đã ban hành, các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành Công ty.

4) Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành:

Thực hiện tốt vai trò giám sát, định hướng và chỉ đạo Ban Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo công ty hoạt động đúng chiến lược, tuân thủ pháp luật và hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm.

Ban điều hành đã thể hiện được tinh thần quyết liệt, chủ động và linh hoạt trong việc triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trong điều hành, Ban Giám đốc đoàn kết, thực hiện

báo cáo đúng chế độ và thông tin kết quả sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của HĐQT. Duy trì chế độ giao ban định kỳ hàng quý với cán bộ quản lý để đánh giá, đôn đốc tiến độ thực hiện nghị quyết HĐQT. Ban Giám đốc đã chỉ đạo quyết liệt và tập trung triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin và tiến bộ khoa học kỹ thuật chuyên ngành vào công tác giảm nước thất thoát thất thu; tăng cường công tác kiểm soát việc sử dụng nước, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; đề ra được những giải pháp tích cực; chủ động kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý, điều hành; thực hiện có hiệu quả kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

5) Về lương, thưởng, thù lao của thành viên HĐQT:

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-GĐ ngày 08/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đã thông qua mức thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2025 như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 6.000.000 đ/người/tháng.
2. Kiểm soát viên không chuyên trách: 4.000.000 đ/người/tháng.

Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban Kiểm soát đảm nhận công tác chuyên trách được hưởng tiền lương theo quy định của pháp luật (Áp dụng thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016).

Các khoản chi hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh, tính theo thực tế và mức chi tối đa là 5.000.000đ/tháng, cụ thể như sau:

Năm 2025
VND

Lương, thưởng, thù lao:

Ông Hoàng Thế Bảo	Chủ tịch HĐQT	362.501.077
Ông Nguyễn Thành Phúc	Nguyên Chủ tịch HĐQT	539.103.088
Bà Trần Lệ Phương	Thành viên HĐQT	58.000.000
Ông Bùi Thanh Giang	Thành viên HĐQT	56.000.000
Ông Phạm Thành Trung	Thành viên HĐQT	115.428.571
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	115.428.571
Bà Phan Mỹ Hòa	Thành viên HĐQT	-
Bà Nguyễn Thị Bảo Châu	Nguyên thành viên HĐQT	56.000.000
Bà Vũ Phương Thảo	Nguyên thành viên HĐQT	59.428.571
Ông Hồ Thanh Cường	Nguyên thành viên HĐQT	59.428.571
Ông Trần Quang Phương	Nguyên thành viên HĐQT	61.428.571
Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Thành viên HĐQT & Giám đốc	918.117.331

- 6) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

a, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên

Mua sỉ nước sạch	405.916.621.227
Thuê tài sản	4.210.467.967
Chia cổ tức	14.042.500.000
Nhận nhượng quyền gia hạn sử dụng bản quyền và dịch vụ phần mềm ArcGIS	2.400.486.657
Cung cấp dịch vụ lắp đặt trụ cứu hỏa	875.508.618
Chi phí đào tạo, truyền thông	180.591.433

b, Công ty Cổ phần Cơ khí Công trình Cấp nước

Chi phí kiểm tra, kiểm định đồng hồ nước	2.176.000
--	-----------

c, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh

Cung cấp nước sửa ống cấp nước	26.680.500
Cung cấp dịch vụ sửa bể	32.312.634
Ký quỹ bảo lãnh lượng nước sử dụng	31.607.280

7) Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ:

Trong năm 2025, Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) đã hoàn thành kế hoạch kiểm toán số 04/KH-KTNB ngày 21/02/2025, tập trung rà soát quy trình đọc sổ và quy trình mua sắm vật tư. Hoạt động kiểm toán ghi nhận sự đồng thuận từ Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong việc chuẩn hoá các quy trình nội bộ. Các kiến nghị của Ban KTNB đã được các Phòng Ban tiếp nhận và thực hiện. Kết quả rà soát cho thấy trong năm 2025, Công ty không phát sinh các sự kiện rủi ro hoặc sai phạm tuân thủ trọng yếu nào trong phạm vi các hoạt động đã kiểm toán.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 VÀ NHỮNG NĂM TIẾP THEO:

1) Định hướng hoạt động:

- Thực hiện chương trình cấp nước an toàn, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước của khách hàng trên địa bàn; duy trì bền vững tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch. Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, phát triển hệ thống cấp nước thông minh; nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành Công ty;

- Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, đảm bảo đúng tiến độ, đúng trọng tâm.

- Quản lý hiệu quả các chỉ tiêu kinh doanh nước sạch, góp phần nâng cao doanh thu tiền nước nói riêng và hiệu quả kinh doanh nói chung; thực hiện tốt các giải pháp nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng theo định hướng phát triển bền vững, trong đó hướng đến đạt kế hoạch năm 2026:

- Tỷ lệ nước thất thoát thất thu bình quân 10.5%;
- Sản lượng nước tiêu thụ đạt 55.600 triệu m³;
- Tổng doanh thu đạt 686,429 tỷ đồng (trong đó doanh thu nước: 675,429 tỷ đồng);

- d) Lợi nhuận trước thuế: 51.000 tỷ đồng;
- e) Duy trì lợi nhuận, mức chia cổ tức hàng năm 14%/năm trở lên;
- f) Đẩy mạnh công tác giảm thất thoát nước bền vững và đạt hiệu quả kinh tế; tổ chức bộ máy và đội ngũ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty;

2) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

- Thực hiện đúng quy định pháp luật hiện hành đối với chế độ tài chính - kế toán doanh nghiệp, làm tròn nghĩa vụ với ngân sách;
- Thực hiện đúng các quy định nghiệp vụ về sản xuất kinh doanh nước sạch, về quản lý lao động tiền lương;
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ, nâng cao hiệu lực điều hành và hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Tăng tốc chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa chi phí, nâng cao năng suất lao động;
- Thực hiện nghiêm chế độ bảo vệ hệ thống công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước; xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp cấp nước có dịch vụ tốt, thân thiện, hướng đến khách hàng, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước sạch của tất cả dân cư và các tổ chức trên địa bàn phục vụ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: CV, MP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Thế Bảo

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo Về quản trị và kết quả hoạt động của
Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2025 của Công ty)

1. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	05/NQ-GĐ	08/05/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
02	06/NQ-GĐ	29/12/2025	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định (Thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)

2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	25/NQ-GĐ	21/02/2025	Nghị quyết phiên họp lần thứ nhất năm 2025	100%
2	17/QĐ-GĐ	26/02/2025	Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh Trưởng ban Kiểm toán Nội bộ Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	100%
3	26/NQ-GĐ	25/3/2025	Nghị quyết về việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2025	100%
4	27/NQ-GĐ	31/3/2025	Nghị quyết phiên họp lần thứ hai năm 2025	100%
5	28/NQ-GĐ	15/4/2025	Nghị quyết về thông qua số lượng lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	
6	29/NQ-GĐ	08/5/2025	Nghị quyết về thông qua việc bổ sung chức danh Cố vấn Ban Điều hành trong hệ thống Thang bảng lương Công ty	100%
7	30/NQ-GĐ	08/5/2025	Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định Nhiệm kỳ 2022-2027	100%
8	31/NQ-GĐ	09/5/2025	Nghị quyết về thông qua Quỹ thưởng của Người quản lý Công ty	100%
9	32/NQ-GĐ	09/7/2025	Nghị quyết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	100%
10	18/QĐ-GĐ	29/7/2025	Quyết định về việc chấp thuận Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định đi nước ngoài về việc riêng năm 2025	100%
11	33/NQ-GĐ	08/9/2025	Nghị quyết phiên họp lần thứ tư năm 2025	100%
12	19/QĐ-GĐ	26/9/2025	Quyết định về việc chấp thuận Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định đi nước ngoài về việc công năm 2025	100%
13	34/NQ-GĐ	24/11/2025	Nghị quyết phiên họp lần thứ năm năm 2025	100%
14	35/NQ-GĐ	24/11/2025	Nghị quyết về đề nghị cấp hạn mức cho vay dự phòng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương - Chi nhánh Bình Hòa	100%
15	20/QĐ-GĐ	25/11/2025	Quyết định thành lập Ban công tác thực hiện thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027	100%



BÁO CÁO
Về cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị độc lập
của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Căn cứ quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty cổ phần (đặc biệt là yêu cầu về tỷ lệ thành viên độc lập HĐQT);
- Căn cứ tình hình thực tế nhân sự của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT) xin báo cáo về tình hình cơ cấu thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CƠ CẤU THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP NHIỆM KỲ 2022-2027:

1) Thực trạng cơ cấu thành viên HĐQT:

• Tổng số thành viên HĐQT hiện tại: 07 người; gồm các: Ông/Bà Hoàng Thế Bảo - là Chủ tịch HĐQT, Nguyễn Ngọc Hùng - là Giám đốc Công ty, Bùi Thanh Giang, Phan Mỹ Hòa, Phạm Thành Trung, Nguyễn Anh Tuấn, Trần Lệ Phương - là thành viên đại diện vốn góp của các cổ đông là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (SWC), Công ty TNHH Nước sạch REE, Ngân hàng số Vikki.

- Số lượng thành viên độc lập theo quy định: 02 người (tương ứng trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên);
- Số lượng thành viên độc lập hiện có: 0 người;

Với cơ cấu nhân sự hiện tại, thành viên HĐQT Công ty chưa có thành viên độc lập HĐQT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ. Thiếu 02 thành viên độc lập so với yêu cầu, tỷ lệ thành viên độc lập hiện tại thấp hơn mức tối thiểu theo quy định.

Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Hội đồng quản trị đã công bố cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên HĐQT độc lập đối với nhiệm kỳ mới (2022-2027); tuy nhiên không nhận được hồ



sơ đề cử, ứng cử của cổ đông vì nhiều lý do khách quan, cụ thể: công ty hoạt động trong ngành cấp nước có những đặc thù riêng nên đòi hỏi các thành viên HĐQT độc lập phải có sự am hiểu, có kinh nghiệm, có chuyên môn trong ngành và đáp ứng các điều kiện về thời gian công tác, ứng viên vừa đáp ứng tiêu chuẩn “độc lập” vừa có chuyên môn ngành sâu là một hạn chế. Yêu cầu về tính độc lập theo quy định hiện nay khá chặt chẽ: Không có lợi ích liên quan với Công ty, cổ đông lớn; không tham gia điều hành; trong khi đó nguồn nhân lực có kinh nghiệm thường đã và đang làm trong hệ thống ngành, có liên hệ về mặt chuyên môn hoặc lợi ích.

Mặt khác việc đề cử thành viên HĐQT là do các cổ đông thực hiện, rất khó để cổ đông nhỏ giới thiệu một thành viên bên ngoài tham gia HĐQT với tư cách độc lập. Ứng viên đạt các yêu cầu trên rất hạn chế nên gây khó khăn cho việc tìm kiếm và lựa chọn để ĐHĐCĐ bầu chọn đủ số lượng thành viên HĐQT độc lập theo quy định...

Tuy gặp khó khăn, Hội đồng quản trị Công ty đã nỗ lực trong việc tìm kiếm nhân sự phù hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập qua các kỳ đại hội năm 2023, 2024 để đảm bảo quy định pháp luật nhưng đến thời điểm hiện tại, HĐQT Công ty vẫn hoạt động với cơ cấu 07 thành viên như đã trình bày.

2) Kết luận:

Công ty khẩn trương hoàn thiện cơ cấu HĐQT theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo nâng cao hiệu quả quản trị và tính minh bạch trong hoạt động bằng các giải pháp: Mở rộng kênh tìm kiếm ứng viên (chuyên gia, cố vấn, tổ chức nghề nghiệp...); Xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút các ứng cử viên chất lượng...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: CV, MP.



Hoàng Thế Bảo

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty;
- Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định đã được kiểm toán ngày 10/03/2026 bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát và Kế hoạch hoạt động năm 2026 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu Ban Kiểm soát:

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-GĐ ngày 06/9/2023, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 05 thành viên:

- Bà Huỳnh Thị Bích Phương - Trưởng Ban Kiểm soát.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh - Kiểm soát viên.
- Bà Phạm Thị Phương Linh - Kiểm soát viên.
- Bà Tăng Mỹ Phụng - Kiểm soát viên.
- Ông Trịnh Trọng Tâm - Kiểm soát viên.

Trưởng Ban Kiểm soát làm việc chuyên trách tại Công ty; các Kiểm soát viên còn lại hoạt động kiêm nhiệm.

Các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện chức năng giám sát độc lập, khách quan, tuân thủ đúng quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

2. Các hoạt động giám sát trọng tâm trong năm 2025 của Ban Kiểm soát:

- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2025.
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình điều hành của Công ty.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát tính hợp pháp trong việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm.
- Giám sát việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ; thực hiện chia cổ tức cho cổ đông.
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.
- Giám sát việc công bố thông tin và công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định.

3. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để thẩm định số liệu và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

- Phiên họp lần I ngày 11/02/2025: Đánh giá kết quả tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính Quý IV và năm 2024 (trước kiểm toán).
- Phiên họp lần II ngày 24/03/2025: Xem xét các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024, đề xuất danh sách đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.
- Phiên họp lần III ngày 12/08/2025: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán độc lập.
- Phiên họp lần IV ngày 11/11/2025: Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính Quý III năm 2025 của Công ty.

Thông qua các phiên họp trên, Ban Kiểm soát đã kịp thời trao đổi, thảo luận các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành và tình hình tài chính của Công ty; đồng thời thực hiện chức năng giám sát nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Việc chi trả tiền lương cho Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách và thù lao đối với các Kiểm soát viên không chuyên trách được thực hiện đúng theo Nghị quyết 05/NQ-GĐ-ĐHĐCĐ ngày 08/5/2025 và Nghị quyết 34/NQ-GĐ ngày 24/11/2025 của Hội đồng quản trị.
- Các khoản tiền lương và lợi ích khác của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách được thực hiện theo hệ thống thang bảng lương, Quy chế tiền lương và các quy định nội bộ của Công ty; đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tổng chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2025 là 10.500.000 đồng, chủ yếu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát tại Công ty.

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập năm 2025
1	Huỳnh Thị Bích Phương	Trưởng Ban Kiểm soát	583,839
2	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Kiểm soát viên	63,714
3	Phạm Thị Phương Linh	Kiểm soát viên	69,214
4	Tăng Mỹ Phụng	Kiểm soát viên	68,714
5	Trịnh Trọng Tâm	Kiểm soát viên	69,714

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát ghi nhận Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo quy định, đảm bảo đáp ứng yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các Nghị quyết, Quyết định của Công ty được ban hành đúng trình tự, thẩm quyền và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề trọng yếu liên quan đến hoạt động sản xuất-kinh doanh-tài chính của Công ty, cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 27/NQ-GĐ ngày 31/03/2025 về kế hoạch đầu tư xây dựng, giảm nước thất thoát, thất thu và mua sắm năm 2025.
- Nghị quyết số 05/NQ-GĐ ngày 08/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, thông qua các nội dung: báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024; các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2025; phương án phân phối lợi nhuận năm 2024; mức thù lao năm 2025 đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên không chuyên trách và Người quản trị Công ty; việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025; các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025; đồng thời thực hiện các nội dung về công tác nhân sự theo Nghị quyết của Đại hội.
- Nghị quyết số 30/NQ-GĐ ngày 08/05/2025 của Hội đồng quản trị thống nhất bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027.
- Nghị quyết số 33/NQ-GĐ ngày 08/09/2025 của Hội đồng quản trị về việc trình bổ sung, điều chỉnh danh mục đầu tư xây dựng – mua sắm theo kế hoạch năm 2025.
- Nghị quyết số 06/NQ-GĐ ngày 29/12/2025 của Đại hội đồng cổ đông về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với nội dung miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc và cán bộ quản lý:

Ban Kiểm soát ghi nhận Ban Giám đốc đã chủ động triển khai các giải pháp điều hành trong việc cụ thể hóa các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thành kế hoạch chi tiết cho các

phòng, ban. Các Trưởng/Phó phòng đã phát huy tốt vai trò tham mưu và tổ chức triển khai nhiệm vụ, góp phần đảm bảo hoạt động của Công ty được vận hành thông suốt và phù hợp với định hướng của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2025 đạt được như sau:

- Sản lượng nước cung cấp (chuẩn 1) đạt 55,122 triệu m³, đạt 98,78% kế hoạch năm; giảm 678.111 m³ (-1,22%) so với kế hoạch và giảm 219.053 m³ (-0,40%) so với năm 2024.
- Doanh thu tiền nước (bao gồm doanh thu truy thu, súc xả) đạt 668,58 tỷ đồng, đạt 98,72% so với kế hoạch năm; giảm 8,67 tỷ đồng (-1,28%) so với kế hoạch và giảm 909 triệu đồng (-0,14%) so với năm 2024.
- Giá bán bình quân đạt 12.121 đồng/m³, đạt 99,87% kế hoạch năm; giảm nhẹ 16 đồng/m³ (-0,13%) so với kế hoạch nhưng tăng 38 đồng/m³ (+0,31%) so với năm 2024.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 50,69 tỷ đồng, vượt 0,29% kế hoạch năm (tương ứng tăng 147 triệu đồng) và tăng 1,08% (tương ứng tăng 541 triệu đồng) so với năm 2024.
- Tỷ lệ thất thoát nước đạt 9,78%, hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra; thấp hơn 0,82 điểm % so với kế hoạch và giảm 0,48 điểm % so với năm 2024.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành:

Mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn được phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông; đồng thời đảm bảo tuân thủ đầy đủ Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp kịp thời các hồ sơ, tài liệu cần thiết để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

Các thành viên Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát tham dự các cuộc giao ban định kỳ của Công ty; tiếp nhận và giám sát các văn bản chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị.

Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát đều gửi các báo cáo và kiến nghị đến Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, những kiến nghị này đều được quan tâm và triển khai thực hiện.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào từ cổ đông. Ban Kiểm soát cũng thường xuyên giám sát việc công bố thông tin của Công ty, đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời theo quy định.

4. Giám sát giao dịch giữa Công ty với người có liên quan:

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát chặt chẽ các giao dịch giữa Công ty với những người quản lý và người có liên quan theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Kết quả ghi nhận như sau:

- Đối với hợp đồng mua sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (cổ đông lớn nắm giữ 51,21% vốn điều lệ). Đơn giá mua sỉ nước sạch đã được thảo luận và biểu quyết thông qua các thành viên HĐQT không thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (loại trừ

các thành viên có lợi ích liên quan). Sau đó đã được trình và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2025 để Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết làm cơ sở pháp lý cho Ban Điều hành triển khai thực hiện.

- Trong năm tài chính, Công ty không phát sinh bất kỳ hợp đồng kinh tế hoặc giao dịch nào liên quan đến cá nhân và người có liên quan của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty.

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thực hiện theo các Nghị quyết số 05/NQ-GĐ ngày 08/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Nghị quyết số 27/NQ-GĐ ngày 31/03/2025, Nghị quyết số 34/NQ-GĐ ngày 24/11/2025 của Hội đồng quản trị (HĐQT) về kế hoạch sản xuất kinh doanh - tài chính năm 2025, Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của thành viên hội đồng, Kiểm soát viên, Ban Điều hành và Người lao động năm 2025. Ban Giám đốc Công ty đã triển khai đồng bộ các chỉ tiêu theo kế hoạch thực hiện trong năm 2025 như sau (chi tiết tại Phụ lục 1):

- Về hoạt động cung cấp nước sạch trong năm 2025:
 - Sản lượng nước cung cấp (chuẩn 1) đạt 55,122 triệu m³, giảm 678.111 m³ (-1,22%) so với kế hoạch năm; giảm 219.053 m³ (-0,40%) so với năm 2024.
 - Thực hiện gắn mới 461 đồng hồ nước, tương ứng đạt 92,20% kế hoạch năm; công tác thay đồng hồ nước đạt 95,59% kế hoạch năm.
 - Hoạt động cấp nước được duy trì ổn định, bảo đảm 100% hộ dân trên địa bàn được cấp nước sạch liên tục.
- Về chỉ tiêu tài chính trong năm 2025:
 - Tổng doanh thu đạt 676,17 tỷ đồng, giảm 8,38 tỷ đồng (-1,22%) so với kế hoạch năm; giảm 7,49 tỷ đồng (-1,09%) so với năm 2024.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 50,69 tỷ đồng, tăng 0,29% so với kế hoạch năm và tăng 541 triệu đồng (+1,08%) so với năm 2024.
- Về công tác xây dựng cơ bản năm 2025:
 - Công ty thực hiện hiệu quả với công trình phát triển mạng lưới đạt 100% kế hoạch năm và công tác đầu tư thay mới ống mục với tổng chiều dài 13.122 m, tương ứng 96,46% kế hoạch năm.
- Về công tác giảm nước thất thoát, thất thu:
 - Trong năm 2025, Công ty đã hoàn tất quyết toán 6 trên tổng số 6 công trình thuộc giai đoạn chuyển tiếp và hoàn tất thi công 9/23 công trình thuộc giai đoạn thực hiện đầu tư năm 2025 với tổng số lượng thay mới 13.900 m ống, đạt 94,03% so với kế hoạch năm.
 - Đã giải ngân 22,35 tỷ đồng cho công tác quyết toán các công trình đầu tư giai đoạn năm 2024 - 2025.
 - Tỷ lệ thất thoát nước bình quân cả năm là 9,78%, giảm 0,48 điểm % so với năm 2024 và thấp hơn so với kế hoạch năm là 0,82 điểm %.

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Dựa trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam ngày 10/3/2026, kiểm toán viên dự kiến đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần, theo đó:

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.”

Ban Kiểm soát thống nhất với ý kiến của đơn vị kiểm toán và không ghi nhận sai lệch trọng yếu nào giữa số liệu báo cáo và kết quả kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1. Tình hình Tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2025

Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định đã kiểm toán ngày 10/03/2026, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau: (chi tiết tại phụ lục 1, 2, 3):

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 672,99 tỷ đồng, tăng 659 triệu đồng (+0,10%) so với năm 2024. Giá bán bình quân đạt 12.121 đồng/m³, tăng 38 đồng/m³ (+0,31%) so với mức 12.083 đồng/m³ của năm 2024.
- Giá vốn hàng bán đạt 403,54 tỷ đồng, giảm 11,75 tỷ đồng (-2,83%) so với kế hoạch và giảm 6,16 tỷ đồng (-1,50%) so với năm 2024. Trong năm, giá mua sỉ nước sạch tăng 21,17 đồng/m³ (từ 6.615,74 đồng/m³ lên 6.636,91 đồng/m³ năm 2025) theo Hợp đồng mua sỉ nước sạch số 1437/HĐ-TCT-KDDVKH ký ngày 17/3/2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên, làm chi phí mua sỉ nước sạch tăng thêm 1,29 tỷ đồng. Tuy nhiên, tỷ lệ thất thoát nước giảm 0,48 điểm % so với năm 2024, làm chi phí mua sỉ nước sạch giảm khoảng 1,95 tỷ đồng, qua đó góp phần làm giảm giá vốn hàng bán.
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ cả năm đạt 269,45 tỷ đồng, tăng 6,82 tỷ đồng (+2,60%) so với năm 2024. Tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần đạt 40,04%, tăng 0,98 điểm % so với mức 39,06% của năm 2024, cho thấy hiệu quả kiểm soát chi phí đầu vào được cải thiện.
- Doanh thu tài chính đạt 1,17 tỷ đồng, giảm 72 triệu đồng (-5,80%) so với năm 2024, chủ yếu do lãi tiền gửi giảm nhẹ.
- Chi phí tài chính đạt 414 triệu đồng, giảm 362 triệu đồng (-46,65%) so với năm 2024, chủ yếu do chi phí lãi vay ngân hàng giảm khi các khoản nợ vay đầu tư dự án xây dựng cơ bản được thanh toán đúng tiến độ.

- Chi phí bán hàng đạt 131,02 tỷ đồng, giảm 1,01 tỷ đồng (-0,76%) so với kế hoạch và giảm 7,76 tỷ đồng (-5,59%) so với năm 2024. Trong năm 2025, chi phí khấu hao tăng 2,14 tỷ đồng (+7,07%); chi phí chống thất thoát nước giảm 9,26 tỷ đồng (-33,35%) so với năm 2024, do bắt đầu từ năm 2025 khoản chi phí này áp dụng theo tiêu thức phân bổ trong ba (03) năm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp đạt 90,21 tỷ đồng, tăng 4,77 tỷ đồng (+5,59%) so với kế hoạch và tăng 6,21 tỷ đồng (+7,40%) so với năm 2024. Trong năm 2025, chủ yếu là do chi phí nhân viên tăng 1,56 tỷ đồng, chi phí khấu hao tăng 1,70 tỷ đồng, chi phí dịch vụ mua ngoài tăng 248 triệu đồng và chi phí bằng tiền khác tăng 3,06 tỷ đồng (+9,67%) so với năm 2024.

- Thu nhập khác đạt 2,01 tỷ đồng, giảm 1,29 tỷ đồng (-39,06%) so với kế hoạch và giảm 8,07 tỷ đồng (-80,06%) so với năm 2024.

- Chi phí khác đạt 297 triệu đồng, giảm 403 triệu đồng (-57,57%) so với kế hoạch và tăng 58 triệu đồng (+23,39%) so với năm 2024.

- Lợi nhuận trước thuế đạt 50,69 tỷ đồng, tăng 147 triệu đồng (+0,29%) so với kế hoạch và tăng 541 triệu đồng (+1,08%) so với năm 2024.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 40,27 tỷ đồng, tăng 343 triệu đồng (+0,86%) so với kế hoạch và tăng 376 triệu đồng (+0,94%) so với năm 2024.

Nhìn chung, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty duy trì ổn định; các chỉ tiêu lợi nhuận đều hoàn thành và vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Kết quả này cho thấy hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu đến từ việc kiểm soát tỷ lệ thất thoát nước, khi tỷ lệ thất thoát năm 2025 đạt 9,78%, giảm 0,48 điểm % so với năm 2024 và thấp hơn 0,82 điểm % so với kế hoạch.

Trong năm 2025, thu nhập khác giảm trên 8,07 tỷ đồng so với năm 2024, vì năm 2024 đã tăng mạnh nhờ thanh lý một số vật tư cũ thu hồi với số tiền 8,37 tỷ đồng, tuy nhiên chi phí chống thất thoát nước giảm 9,258 tỷ đồng (do thay đổi phương thức phân bổ chi phí), qua đó góp phần bù đắp phần giảm của thu nhập khác và tạo ra khoản lợi nhuận đạt được trong năm.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh ngành nước

Trong năm 2025:

- Công ty tiếp tục duy trì các khoản vay dài hạn nhằm đầu tư thực hiện các dự án giảm nước thất thoát thất thu, đầu tư thay mới, sửa chữa ống mục, phục vụ hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch.

- Dư nợ vay ngân hàng cuối năm 2025 còn 3,47 tỷ đồng. Chi phí lãi vay phát sinh trong năm là 414 triệu đồng, chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu chi phí, cho thấy Công ty đang kiểm soát tốt nghĩa vụ vay nợ và chi phí tài chính.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 48,97 tỷ đồng (+21,49%) so với năm 2024.

- Lợi nhuận khác đạt 1,71 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm 2024, cho thấy kết quả lợi nhuận của Công ty ít phụ thuộc vào các khoản thu nhập bất thường.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 50,69 tỷ đồng, tăng 147 triệu đồng (+0,29%) so với kế hoạch năm và tăng 541 triệu đồng (+1,08%) so với năm 2024.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 40,27 tỷ đồng, tăng 343 triệu đồng (+0,86%) so với kế hoạch và tăng 376 triệu đồng (+0,94%) so với năm 2024.

a) Một số chỉ tiêu tài chính tại ngày 31/12/2025:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/ NNH)	0,85	1,23
	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)		
2	Hệ số nợ phải trả / Tổng tài sản	44,85	36,05
3	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	81,31	56,36
	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)		
4	Vòng quay hàng tồn kho	20,62	12,74
	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi (%)		
5	Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (ROS)	5,98	5,93
6	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ (ROE)	21,46	21,19
7	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	11,84	13,55

Nhìn chung:

- Khả năng thanh toán: Hệ số thanh toán ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2025 là 0,85 lần, giảm so với năm trước. Chỉ tiêu này phản ánh sự thay đổi trong cơ cấu vốn lưu động trong kỳ. Ban Kiểm soát lưu ý Công ty tiếp tục theo dõi, quản lý chặt chẽ dòng tiền và cơ cấu nợ nhằm đảm bảo khả năng thanh toán trong thời gian tới.
- Cơ cấu vốn: Hệ số nợ phải trả trên tổng tài sản và trên vốn chủ sở hữu đều tăng so với năm 2024, cho thấy tỷ trọng nợ trong tổng nguồn vốn có xu hướng tăng.
- Khả năng sinh lợi: Các chỉ tiêu ROS, ROE vẫn duy trì ở mức ổn định, phù hợp với quy mô hoạt động và cơ cấu tài chính của Công ty.

b) Về quản lý công nợ:

- Tổng các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn đạt 33,85 tỷ đồng, chiếm 9,95% trên tổng tài sản và 5,03% trên tổng doanh thu thuần, trong đó khoản tạm ứng cho đội thi công tăng 15,26 tỷ đồng.

- Khoản phải thu tiền nước từ khách hàng 9,38 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 2,76% trên tổng tài sản và 1,39% trên tổng doanh thu thuần.

- Công tác thu tiền nước đạt 98,98% trên tổng số tiền nước phải thu trong năm 2025, cho thấy việc thu hộ qua ngân hàng tiếp tục được duy trì ổn định và hiệu quả.

c) Về công tác đầu tư, mua sắm tài sản cố định:

- Trong năm 2025, tài sản cố định tăng 13,34 tỷ đồng, chủ yếu do tăng tài sản cố định hữu hình là 12,72 tỷ đồng, tài sản cố định vô hình tăng 621 triệu đồng.

- Tình hình tài sản cố định hữu hình đến cuối năm 2025 là: Nguyên giá: 643,52 tỷ đồng; Giá trị hao mòn lũy kế: 476,73 tỷ đồng; Giá trị còn lại: 166,79 tỷ đồng.

- Tài sản cố định vô hình: Nguyên giá: 18,59 tỷ đồng; Giá trị hao mòn lũy kế: 13,32 tỷ đồng; Giá trị còn lại: 5,27 tỷ đồng.

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang năm 2025 là 6,41 tỷ đồng.

VI. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Những nội dung nổi bật trong hoạt động năm 2025

Qua công tác giám sát và xem xét các số liệu tài chính, Ban Kiểm soát nhận thấy một số điểm nổi bật trong hoạt động của Công ty năm 2025 như sau:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 tiếp tục duy trì ổn định, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều đạt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục và phục vụ tốt nhu cầu của người dân.

- Năm 2025, mặc dù giá mua sỉ nước sạch tăng 21,17 đồng/m³ làm tăng chi phí thêm 1,29 tỷ đồng, nhưng nhờ nỗ lực rất lớn của Ban Điều hành trong quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước lâu đời (hình thành từ trước năm 1975), tỷ lệ thất thoát nước đã giảm 0,48 điểm % so với năm 2024. Kết quả này giúp tiết giảm chi phí mua sỉ nước sạch khoảng 1,95 tỷ đồng, trực tiếp bù đắp cho sự gia tăng giá vốn và góp phần quan trọng vào việc hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận năm 2025. Đây là năm thứ ba liên tiếp chỉ số này được duy trì ổn định quanh ngưỡng 10%, cho thấy hiệu quả bền vững trong công tác chống thất thoát nước.

- Công ty bắt đầu thực hiện phân bổ chi phí chống thất thoát nước theo lộ trình 3 năm (áp dụng từ năm 2025), dẫn đến số dư chi phí trả trước (tài khoản 242) tăng so với năm 2024. Việc thay đổi phương thức này giúp giảm chi phí chống thất thoát nước ghi nhận trong năm là 9,26 tỷ đồng (-33,35%) so với năm 2024, qua đó góp phần bù đắp phần giảm của lợi nhuận khác và đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận năm. Tuy nhiên, nội dung này cần được tiếp tục theo dõi và quản lý chặt chẽ trong các kỳ tiếp theo.

- Trong giai đoạn 2023–2025, các chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận cho thấy hoạt động kinh doanh của Công ty đang bước vào giai đoạn ổn định, ít biến động.

- Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty ở mức an toàn, khả năng sinh lời ổn định và không phát sinh rủi ro trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động liên tục.

2. Kiến nghị của Ban Kiểm soát

Để nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới, Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị và Ban Điều hành quan tâm một số nội dung sau:

- Tiếp tục tăng cường công tác giảm thất thoát nước, ưu tiên cải tạo các khu vực mạng lưới cấp nước cũ, đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong công tác quản lý mạng lưới và dò tìm rò rỉ.

- Theo dõi chặt chẽ việc phân bổ chi phí chống thất thoát nước đã được ghi nhận vào chi phí trả trước, đảm bảo hạch toán đúng quy định và phản ánh đúng hiệu quả kinh doanh trong các năm tiếp theo. Lưu ý theo lộ trình phân bổ 3 năm (2025-2027), từ năm 2028 trở đi việc ghi nhận chi phí này dự kiến sẽ trở lại tương tự như các năm trước chưa phân bổ; do đó, Ban Điều hành cần có kế hoạch cân đối các chỉ tiêu lợi nhuận để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định trong các giai đoạn tiếp theo.

- Đối với khoản thu nhập khác từ việc thanh lý đồng hồ nước cũ, do số lượng thay thế định kỳ hằng năm trên 30.000 cái, Ban Kiểm soát kiến nghị Công ty thực hiện thanh lý theo từng năm tài chính, nhằm phản ánh đầy đủ kịp thời khoản thu nhập này phát sinh trong kỳ; hạn chế tình trạng ghi nhận tập trung vào một năm, dẫn đến biến động đột biến chỉ tiêu lợi nhuận khác giữa các năm.

- Nâng cao hiệu quả quản lý chi phí và sử dụng vốn, đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí dịch vụ mua ngoài, nhằm duy trì hiệu quả hoạt động trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng sản lượng, doanh thu, giá bán bình quân và tỷ lệ thất thoát nước có xu hướng ổn định trong 3 năm gần đây và có thể kéo dài trong những năm tiếp theo.

- Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng; rà soát, điều chỉnh các quy trình, quy chế nội bộ cho phù hợp với thực tiễn và sự phát triển của công nghệ hiện nay.

- Ngoài ra, tại mục 9.3 – Thông tin khác trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính đã kiểm toán, Ban Kiểm soát ghi nhận hệ số thanh toán ngắn hạn tại thời điểm cuối năm ở mức 0,85 lần (so với 1,23 lần đầu năm), đồng thời nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn khoảng 23,2 tỷ đồng. Nội dung này cho thấy cơ cấu vốn lưu động trong kỳ có sự biến động nhất định và cần được theo dõi chặt chẽ trong thời gian tới. Do đó, Ban Kiểm soát kiến nghị Ban Điều hành tiếp tục tăng cường quản lý dòng tiền, kiểm soát cơ cấu nợ và chủ động cân đối nguồn vốn, nhằm đảm bảo khả năng thanh toán và an toàn tài chính của Công ty.

VII. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026

- Giám sát định kỳ tình hình triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong năm 2026.

- Thực hiện kiểm tra định kỳ và thẩm định chi tiết các báo cáo Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và năm của Công ty; Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, các khoản đầu tư của Công ty theo đúng quy định.

- Rà soát việc thực hiện các quy chế quản trị, quy chế tài chính và các quy trình quản trị của doanh nghiệp.

- Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong quá trình điều hành.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông để thực hiện chức năng giám sát theo quy định.

- Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập, theo dõi và đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của kiểm toán.

- Phối hợp Ban Kiểm toán Nội bộ thực hiện kiểm tra, giám sát chuyên đề khi cần thiết đối với một số lĩnh vực có rủi ro hoặc chi phí lớn.

- Tăng cường giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đã nêu trong năm 2025.

- Chủ động tham gia các lớp tập huấn, cập nhật kiến thức pháp luật để phục vụ công tác chuyên môn.

- Tổng hợp kết quả giám sát, báo cáo và kiến nghị kịp thời với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và minh bạch tài chính của Công ty.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 2026. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- HĐQT Công ty;
- BGĐ Công ty;
- Lưu: BKS.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Huỳnh Thị Bích Phương

PHỤ LỤC

(Đính kèm báo cáo số 81/BC-GĐ ngày 25 tháng 03 năm 2026)

Phụ lục 1: Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh từ 1/1/2025-31/12/2025 (Đã Kiểm toán)

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Năm		(%) năm 2025 so với KH 2025
		2024	2025	
1. Sản lượng nước tiêu thụ chuẩn 1(triệu m ³)	55.800	55.341	55.122	98.78
2. Doanh thu tiền nước (triệu đồng)	677,245	669,487	668,578	98.72
3. Gắn mới ĐHN (cái)	500	507	461	92.20
4. Thay, hạ cỡ ĐHN (cái)	34,161	33,144	32,618	95.48
5. Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch (%)	100	100	100	100.00
6. Cải tạo hoàn thiện MLCN (mét)	618	-	618	100.00
7. Đầu tư thay mới ống mục (mét)	13,603	13,033	13,122	96.46
8. Công trình giảm nước TTTT (mét)	14,782	17,840	13,900	94.03
9. Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	50,540	50,146	50,687	100.29

Phụ lục 2: Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính từ 1/1/2025-31/12/2025 (Đã Kiểm toán)

DVT: Triệu đồng

Danh mục	Đầu năm 2025	Tại ngày 31/12/2025	Giá trị Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(3)/(1)
1. Tài sản ngắn hạn	125,232	128,439	3,207	2.56
Tiền các khoản tương đương tiền	58,519	27,432	-31,087	-53.12
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13,000	13,000	0	0.00
Các khoản phải thu ngắn hạn	13,902	33,523	19,621	141.14
Hàng tồn kho	32,346	42,053	9,707	30.01
Tài sản ngắn hạn khác	7,465	12,431	4,966	66.52
2. Tài sản dài hạn	169,153	211,729	42,576	25.17
Các khoản phải thu dài hạn	332	332	0	0.00
Tài sản cố định	158,719	172,060	13,341	8.41
Bất động sản đầu tư				
Tài sản dở dang dài hạn	5,907	6,413	506	8.57
Tài sản dài hạn khác	4,195	32,924	28,729	684.84
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	294,385	340,168	45,783	15.55
1. Nợ phải trả	106,113	152,554	46,441	43.77
Nợ ngắn hạn	102,030	151,696	49,666	48.68
Nợ dài hạn	4,083	858	-3,225	-78.99
2. Vốn chủ sở hữu	188,272	187,614	-658	-0.35
Vốn chủ sở hữu	188,272	187,614	-658	-0.35
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	294,385	340,168	45,783	15.55

Handwritten signature

Phụ lục 3: Kết quả hoạt động kinh doanh từ 1/1/2025-31/12/2025 (Đã Kiểm toán)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		Giá trị Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
	12/31/2024	12/31/2025		
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=(3)/(1)
1. Doanh thu thuần về BH-DV	672,328	672,987	659	0.10
2. Giá vốn hàng bán	409,701	403,536	(6,165)	-1.50
3. Lợi nhuận gộp về BH-DV	262,627	269,451	6,824	2.60
4. Doanh thu HĐ tài chính	1,242	1,170	(72)	-5.80
5. Chi phí tài chính	776	414	(362)	-46.65
6. Chi phí bán hàng	138,785	131,021	(7,764)	-5.59
7. Chi phí quản lý DN	83,998	90,212	6,214	7.40
8. Lợi nhuận thuần từ HĐ KD	40,310	48,973	8,664	21.49
9. Thu nhập khác	10,084	2,011	(8,073)	-80.06
10. Chi phí khác	248	297	49	19.76
11. Lợi nhuận khác	9,836	1,714	(8,122)	-82.57
12. Tổng lợi nhuận trước thuế	50,146	50,687	542	1.08
13. Chi phí thuế TNDN	10,252	10,417	165	1.61
14. Lợi nhuận sau thuế	39,894	40,270	377	0.95

Phụ lục 4: Tình hình nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước từ 1/1/2025-31/12/2025 (Đã Kiểm toán)

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	12/31/2024	12/31/2025
1. Thuế GTGT đầu ra phải nộp	47,621	49,792
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	10,252	10,580
3. Thuế thu nhập cá nhân	4,242	4,228
4. Thuế nhà đất, tiền thuê đất	932	532
5. Các loại thuế khác	11	2
6. Thuế môn bài	3	3
7. Giá dịch vụ thoát nước	162,339	195,286
Tổng cộng	225,400	260,423



TỜ TRÌNH

**Về mức thù lao năm 2026 đối với thành viên Hội đồng quản trị,
Kiểm soát viên không chuyên trách và Người quản trị Công ty**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao năm 2026 như sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị:** 7.000.000 đ/người/tháng.
- Kiểm soát viên không chuyên trách:** 4.000.000 đ/người/tháng.
- Người quản trị Công ty:** 4.000.000 đ/người/tháng.

Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng ban Kiểm soát đảm nhận công tác chuyên trách được hưởng tiền lương theo quy định của pháp luật.

Các khoản chi hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh, tính theo thực tế và mức chi tối đa là 5.000.000đ/tháng.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Phòng KTTC, P.TCHC;
- Lưu: VT, NQTCT.



Số: 76/TTr-GĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
Về lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định như sau:

1. Về công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026:

- Nội dung kiểm toán độc lập đối với Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định, ký kết hợp đồng kiểm toán năm 2026 bao gồm:

+ Soát xét Báo cáo tài chính bán niên cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc vào ngày 30/6/2026;

+ Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2026.

2. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026:

- Là công ty kiểm toán được phép hoạt động tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2026.

- Là công ty kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ chuyên môn cao, trung thực, và có uy tín.

- Có nhiều kinh nghiệm trong việc kiểm toán các công ty chuyên ngành cấp nước.

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định yêu cầu.

- Đảm bảo hoàn thành và công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đúng thời hạn quy định với chất lượng tốt.



3. Danh sách các công ty kiểm toán được đề xuất kiểm toán cho năm tài chính 2026:

STT	Tên Công ty Kiểm toán	Ghi chú
1	Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam	Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM.
2	Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY	Tầng 5, Tòa B2, Roman Plaza, Đường Tố Hữu, Phường Đại Mỗ, TP.Hà Nội.
3	Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam	Số 29 Võ Thị Sáu Phường Đakao, TP.HCM.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua danh sách các công ty Kiểm toán độc lập được đề xuất và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn đơn vị Kiểm toán phù hợp để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty theo quy định pháp luật trong năm tài chính 2026.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Quý cổ đông;
- HĐQT Cty;
- BGD Cty;
- KSV Cty;
- Lưu: BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Huỳnh Thị Bích Phương



Số: 136 /TTr-GĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2025 và đơn giá mua bán sỉ nước sạch tạm tính năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định kính trình Hội đồng quản trị về việc điều chỉnh đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và Đơn giá mua sỉ nước sạch tạm tính năm 2026.

1. Đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2025

Căn cứ hợp đồng mua bán sỉ nước sạch số 1437/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 17/03/2025 và Bản thoả thuận giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV và Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định về đơn giá mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025 là 6.615,74 đồng/m³; Cuối năm sẽ điều chỉnh lại theo theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân tại đơn vị.

Đơn giá mua bán sỉ năm 2025 được tính lại như sau

$GBS_{2025\text{tính lại}} = GBS_{2024} * (1 + \% \text{ tốc độ tăng thực tế giá bán lẻ bình quân})$

- o Đơn giá mua bán sỉ năm 2024: 6.615,74 đồng/m³
- o Đơn giá bán lẻ bình quân năm 2024 là: 12.080,18 đồng/m³ (Với Doanh thu tiền nước: 668.490 triệu đồng; Sản lượng tiêu thụ: 55.338 triệu m³)
- o Đơn giá bán lẻ bình quân năm 2025 là: 12.118,43 đồng/m³ (Với Doanh thu tiền nước: 667.958 triệu đồng; Sản lượng tiêu thụ: 55.119 triệu m³)
- o Tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân năm 2025 so với năm 2024:
 $= (12.118,43 - 12.080,18) / 12.080,18 * 100\% = 0,32\%$

$GBS_{2025\text{tính lại}} = 6.615,74 * (1 + 0,32\%) = 6.636,91 \text{ đồng/m}^3$

(Đơn giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Chi phí mua sỉ nước sạch năm 2025 chênh lệch do điều chỉnh đơn giá là: 61.160.483 m³
* $(6.636,91 \text{ đ/m}^3 - 6.615,74 \text{ đ/m}^3) = 1.194.767.425 \text{ đồng}$.

Theo thẩm quyền được giao tại Mục 8 - Nghị Quyết số 05/NQ-GĐ ngày 08/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng Quản trị đã thông qua đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2025 điều chỉnh là 6.636,91 đồng/m³ (theo Nghị quyết số 36/NQ-GĐ ngày 12/02/2026). Kính báo cáo Đại hội về việc thực hiện việc ủy quyền điều chỉnh đơn giá nêu trên.

2. Đơn giá mua sỉ nước sạch năm 2026

Căn cứ vào công văn 674/TCT-KDDVKH ngày 20/01/2026 của Phòng Kinh Doanh Dịch Vụ Khách Hàng Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và bản thoả thuận về hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và Công ty cổ phần Cấp



nước Gia Định, đề nghị đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 tạm tính là 6.636,91 đồng /m³. Cuối năm 2026 hai bên sẽ tính toán lại đơn giá nước sạch theo tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân năm 2026 so với năm 2025, cụ thể như sau:

$$GBS_{2026} \text{ tạm tính} = GBS_{2025} \text{ tính lại} = 6.636,91 \text{ đồng/m}^3$$

Kính trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua đơn giá mua sỉ nước sạch tạm tính từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2026 là 6.636,91 đồng/m³ để triển khai thực hiện kế hoạch tài chính, Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2026.

3. Đối với đơn giá mua bán sỉ nước sạch năm 2027, đây là nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027, nhằm đảm bảo tính pháp lý và liên tục trong hoạt động cung cấp nước sạch của Công ty, đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua đơn giá mua bán sỉ nước sạch (từ kỳ 1/2027 đến kỳ 4/2027) bằng đơn giá mua bán sỉ năm 2026 cho đến khi đơn giá chính thức được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, MP.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH


Hoàng Thế Bảo



Số: /TTr-GĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về thông qua sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và cập nhật ngành, nghề kinh doanh theo Quyết định số 36/2025/QĐ - TTg về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và cập nhật Điều lệ Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

Căn cứ Công văn số .../UBCKNN-PTTT ngày .../.../2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ SHNN tối đa của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định;

Dựa trên tình hình hoạt động và nhu cầu kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi ngành nghề kinh doanh và cập nhật chi tiết mã ngành hoạt động kinh doanh để phù hợp lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/09/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam chi tiết dưới đây:

Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh trước khi điều chỉnh		Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sau khi điều chỉnh	
Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở)	1105	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở)
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật Kinh doanh Bất động sản)	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật Kinh doanh Bất động sản)

Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh trước khi điều chỉnh		Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sau khi điều chỉnh	
Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4211	Xây dựng công trình đường sắt
		4212	Xây dựng công trình đường bộ
4220	Xây dựng công trình công ích	4221	Xây dựng công trình điện
		4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
		4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
		4229	Xây dựng công trình công ích khác
4633	Bán buôn đồ uống	4633	Bán buôn đồ uống
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)
3600 (chính)	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (-Chi tiết: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng; kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn))	3600 (chính)	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (-Chi tiết: Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng; kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn))
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (-Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (-Chi tiết: Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình

30480
CÔNG
CỐ PH
ÁP NÚ
A ĐỊ

Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh trước khi điều chỉnh		Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh sau khi điều chỉnh	
Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
	dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát, giám sát xây dựng). Thiết kế công trình cấp – thoát nước.		dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát, giám sát xây dựng). Thiết kế công trình cấp – thoát nước.
4290	Xây dựng công trình, kỹ thuật dân dụng khác (-Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác)	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (-Chi tiết: Xây dựng công trình cấp nước. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác)
4312	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng (trừ dịch vụ nổ mìn)

Đồng thời, Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan có thẩm quyền để hoàn thành việc cập nhật ngành nghề kinh doanh theo quy định hiện hành.

Trong trường hợp nội dung sửa đổi ngành, nghề được liệt kê tại Tờ trình này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng có yêu cầu điều chỉnh của Cơ quan quản lý Nhà nước thì Người đại diện theo pháp luật được quyền điều chỉnh nội dung đăng ký ngành nghề theo hướng dẫn nhưng phải đảm bảo phù hợp mã ngành đã được phê duyệt.

Hội đồng quản trị chủ động cập nhật ngành nghề kinh doanh tại Khoản 2 Điều 2 Điều lệ Công ty; chủ động ban hành Điều lệ Công ty sửa đổi sau khi nhận được Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.

Kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Phòng KTTT, PTCHC
- Lưu: VT, NQTCT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hoàng Thế Bảo